

Giá 10.000đ

# Cảnh Thiên



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Tuesday, November 25, 2003 (3).max

# CẢNH THIỀN

Thơ văn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC  
Hà nội - 1997

## LỜI ĐẦU SÁCH

Bắc Giang một vùng đất cổ, nằm trong dải Kinh Bắc, ngàn năm văn hiến, vốn có truyền thống thượng võ, có nhiều danh nhân uyên bác.

Về văn hoá tín ngưỡng, trên địa bàn Bắc Giang hiện nay có trên 412 ngôi chùa lớn nhỏ, cũ và mới được khôi phục lại.

Trong đó "Vĩnh Nghiêm Tự" và "Bồ Đà tự" hai ngôi chùa lớn, là những trung tâm Phật giáo nổi tiếng.

Đạo Phật có nguồn gốc từ Ấn Độ, du nhập vào ta vào khoảng thế kỷ thứ hai, thứ ba sau Công Nguyên. Đến thời Lý-Trần thì Đạo Phật ở nước ta phát triển rộng.

Đạo Phật là đạo học của tâm linh. Giáo lý Đạo Phật về cơ bản là một hệ thống triết học siêu nhiên cổ sơ và những quy tắc đạo đức, chất phác, nghiêm ngặt. Giá trị tích cực sâu sắc nhất của Đạo Phật là khuyến dụ con người ta sống lương thiện từ bi, bác ái.

Tập sách Cảnh Thiền này giới thiệu với bạn đọc những ngôi chùa - danh lam thắng cảnh tiêu

Bìa 1. Cảnh chùa Vĩnh Nghiêm  
Ảnh: Việt Hưng

biểu của tỉnh Bắc Giang. Đồng thời giới thiệu mấy nét về Đạo Phật - từ cách nhìn văn hoá, Thiền phái Trúc Lâm, và một số bài thơ có hình thức gần với sắc không sinh tử, tịnh giới, nhưng nội dung chủ yếu là những cảm quan đa dạng, hàm súc về nhân sinh, vũ trụ... với hy-vọng, làm cơ sở cho những suy ngẫm biện chứng, khách quan, mãn tuệ.

Tập Cảnh Thiền đến được tay bạn đọc là nhờ sự giúp đỡ của nhiều nhà nghiên cứu, nhà thơ, nhà văn... Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Trong quá trình biên soạn, hẳn còn những thiếu sót, xin được lượng thứ.

#### NHÓM BIÊN SOẠN

## CHÙA VĨNH NGHIÊM

Chùa Vĩnh Nghiêm còn có tên là chùa Đức La. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, chùa Đức La là một Trung tâm, một chốn tổ quan trọng, nơi ba vị Trúc Lâm tam tổ từng trụ trì và mở trường thuyết pháp. "Tam tổ thực lục" còn ghi "Trạng nguyên Huyền Quang một hôm theo vua (Trần Nhân Tông) đến huyện Phượng Nhãn vào chùa Vĩnh Nghiêm nghe Pháp Loa giảng kinh, bèn dâng biểu xin xuất gia tu đạo. Vua ượng cho.

Sau lần giác ngộ Phật đạo ở chùa Đức La, vua Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang đã lập nên giáo phái Trúc Lâm. Ba vị trở thành tam tổ, "Là những bậc giáo hoàng thời ấy. Vì ngoài sự đặc đạo tu hành, thuyết pháp độ sinh, các ngài còn được đặc quyền cầm sổ tể trị trong nước, thống lãnh hết thầy tăng đồ".

Đó là sự việc đời Trần Nhân Tông, cách đây hơn 700 năm. Như vậy, chúng ta thấy rằng chùa Đức La phải được xây dựng trước đó, đến thời Trần mới mang thêm mà thôi.

Chùa Đức La nằm trên một quả đồi thấp, sau lưng là dãy núi Cô Tiên. Toàn bộ khu chùa chiếm gần 3

mẫu Bắc Bộ. Một phía chùa Đức La ngay sát bờ sông Lục, phía bên kia xa hơn một chút, dòng sông Thương chảy vòng tới. Trước mặt chênh chếch đó là ngã ba Phượng Nhãn, nơi sông Lục gặp gỡ sông Thương. Chính diện chùa Đức La nhìn thẳng ra một bãi đất rộng, thoáng, trải ra tới sát những tràn ruộng trũng, rồi tới thôn xóm xanh um tre lá.

Theo mô tả trong các thư tịch cũ, tam quan chùa Đức La nền dài 7 mét, rộng 3 mét, xây 3 gian, sau này có xây thêm một cổng gạch cho dân tiện đi lại.

Từ tam quan theo con đường dài 100 mét hai bên trồng thông cổ thụ cao vút là tới chùa Hộ.

Trên sân chùa có một bia đá lục lăng dựng trên bệ chạm cánh sen, thân bia cao 1,18 mét, mỗi mặt bia rộng 0,32 mét, trang trí hình rồng. Bia dựng năm Hoàng Định thứ 7 (1606) nội dung ghi việc tu sửa chùa năm đó.

Đối diện với tấm bia, phía trái sân chùa giáp sông có vườn tháp gồm 5 cây bảo tháp xây bằng gạch. Nơi đây chứa di hài các sư tăng từng trụ trì ở đây như Hoà thượng Phủ Lăng Trung, sư Thanh Quýnh, sư Tâm Viên, sư Thanh Hạnh...

Kiến trúc chính của chùa Đức La nằm trên một trục dọc, hướng Đông Nam, gồm 4 khối lớn.

Khối thứ nhất gồm ba nếp, chùa Hộ, toà Thiệu Hương, chùa Phật. Chùa Hộ to lớn, Khang trang, nền

trước bó vỉa đá. Mái lợp ngói mũi hài, kiểu *tàu đao lá mái* với 4 đao cong. Chùa Hộ có 8 vì kèo, kiểu *chống giường thượng tam hạ tứ*. Nghệ thuật đơn giản bào tròn đóng bén, xoi gờ thanh nhẹ.

Toà Thiệu Hương nối với chùa Hộ bằng hệ thống kẻ góc gồm 3 vì kèo, mỗi vì 4 hàng cột. Nơi đây được trang trí lộng lẫy với 3 lớp hoành phi và cửa võng thếp vàng. Gian đầu là nơi sư tụng kinh, từ gian thứ hai vào trong là thế giới tượng Phật và tượng La Hán.

Chùa Phật, về kiến trúc, còn sót lại những bộ phận của kiến trúc thời Lê. Chùa Phật 4 vì kèo, rộng dài hơn toà Thiệu Hương, Chùa Phật ba mặt bụng ván, có hiên sau rộng. Hai đầu hiên có 2 tấm bia đá đã mờ.

Ba nếp Chùa Hộ, toà Thiệu Hương và Chùa Phật liên kết nhau trong một khối kiến trúc *kiểu chữ công*. Qua khoảng sân gạch hẹp, tới khối kiến trúc thứ hai, cũng làm *kiểu chữ công*, nhưng thấp và nhỏ hơn gọi là *nhà tổ đệ nhất*, gồm 3 nếp.

Nếp đầu tiên của Nhà tổ đệ nhất, dài 12,7 mét, rộng 7,1 mét, có 5 gian chính với 6 vì kèo mỗi vì 4 hàng chân. Hai vì giữa kèo tam giác, hai vì hồi kiểu chống giường, có trụ nón đỡ kẻ nóc. Hiên trước gian dựng tấm bia đá lớn.

Nếp thứ hai là chuỗi vồ.

Nếp thứ ba dài 8,8 mét, 3 gian 4 vì kèo, mỗi vì 4 hàng chân cột.

Kiến trúc khối nhà tổ đệ nhất đơn giản. Đáng chú ý là hệ thống ván *giông* trằng trí những cụm mây lẫn tăn, gọi là mây linh chi, thời Lê. Hiện vật có một hương án *chân quỳ dạ cả* cũng là sản phẩm đời Lê và tấm hoành phi "Trúc Lâm hội thượng".

Khối kiến trúc thứ ba là gác chuông cao hai tầng mái, nền gần vuông, mỗi cạnh trên 7 mét. Tầng trên kèo tam giác với 4 mái đao cong. Sàn ván gỗ, tầng dưới thoáng, rộng.

Khối kiến trúc thứ tư là *nhà tổ đệ nhị*, kết cấu kiểu chuôi vồ, dài 27,8 mét, rộng 14 mét, gồm 11 gian và 3 gian chuôi vồ.

Ngoài 4 khối kiến trúc chính trên, chùa Đức La còn có nhà bếp, nhà xay giã. Trước kia còn 2 dãy tả vu, hữu vu 36 gian cho sư trong vùng về hạ.

Bên cạnh giá trị về mặt kiến trúc, ở chùa Vĩnh Nghiêm còn có một bộ sưu tập điêu khắc lớn bao-gồm tượng Phật, tượng chân dung khá tiêu biểu.

Toàn bộ tượng Phật được bày ở khối kiến trúc thứ nhất gồm Chùa Hộ, Thiệu Hương và Chùa Phật.

Tượng ở Chùa Hộ bao gồm tượng Thiên Vương vận võ phục tượng trưng cho tướng nhà Phật, động Chúa Mẫu và hai pho tượng Hộ Pháp, bên tả là Khuyến Thiện, bên hữu là Trừng Ác.

Hai pho tượng này có quy mô to lớn, đầu tượng gần chạm nóc chùa. Bên cạnh hai pho Hộ Pháp là tượng Long Thần và Địa Tang. Gian giữa chùa Hộ nhìn thẳng vào toà Thiệu Hương có tấm hoành phi lớn đề bốn chữ A DI ĐÀ PHẬT. Nhà Thiệu Hương được trang trí lộng lẫy nhất trong ba nếp chùa. Tất cả ba gian đều có cửa vồng chạm trổ trang trí hoa lá, chim chóc tinh tế, bên ngoài lại sơn son, thếp vàng choáng lộn. Bên trên cửa vồng có hoành phi đề các chữ lớn: TAM GIỚI ĐẠI SU PHÁP VƯƠNG VÔ THƯỢNG, A DI ĐÀ...

Gian đầu toà Thiệu Hương là nơi tụng kinh của nhà sư. Ở đây đặc biệt có chiếc mõ khá lớn, được sơn đen, lỗ thoát âm có đề hai dòng chữ Phạn.

Chùa Phật là thế giới tượng Phật được bày từ gian thứ hai tầng tầng lớp lớp cho đến gian tận cùng. Hai bên dãy tượng Phật là những cây đèn nến có kích thước lớn. Hai bên sườn tường nhà Thiệu Hương là dãy tượng La Hán.

Tượng Phật chùa Vĩnh Nghiêm đều có quy mô lớn, phủ màu sơn nâu cánh gián rất trang nghiêm. Các tượng đều đặt ngồi nhập định trên toà sen hoặc đang thuật pháp. Tượng Phật chùa Vĩnh Nghiêm đã tuân thủ những quy pháp của phép tạo tượng nên là những tác phẩm điêu khắc giá trị. Ngoài tượng Phật ở chùa Vĩnh Nghiêm còn có một số tượng chân dung tiêu

biểu như tượng Tam tổ: Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang. Trong đó đáng chú ý là tượng tổ đệ nhất Trần Nhân Tông ngồi trong tư thế "tham thiền nhập định". Pho tượng này nhờ tạo dáng tốt, gương mặt có cá tính nên là tác phẩm đẹp. Ngoài ra ở nhà tổ đệ nhị có nhiều pho tượng chân cùng khác trong đó phải kể đến tượng của hoà thượng Thích Thanh Hanh cũng là pho tượng đẹp. Đây là những tác phẩm tiêu biểu về tượng chân dung ở chùa Vĩnh Nghiêm.

Hơn 7 thế kỷ trôi qua, chùa Vĩnh Nghiêm vẫn là một trung tâm Phật giáo lớn, như thuở nào tổ Pháp Loa mở từng lâm này thành nơi đào luyện tăng đồ. (Trường đại học Phật giáo đầu tiên của nước ta). Nhiều kệ ván in kinh còn ở chùa: Hoa Nghiêm Sớ, Di Đà sớ, Đại Thừa chỉ quán, Giới kinh ni, Sa di kinh... là hiện vật minh chứng cho vai trò quan trọng của Vĩnh Nghiêm tự, từng thống lãnh 72 chốn từng lâm.

Những năm gần đây, nhà sư Thanh Biên mới về trụ trì, đã để tâm tu tạo, chùa Đức La càng thêm sức thu hút của một chốn tổ chính của Thiền phái Trúc Lâm.

NGUYỄN XUÂN CẦN  
Giám đốc Bảo tàng Bắc Giang

## CHÙA BỔ ĐÀ

Chùa Bồ Đà ở về phía tả ngạn dòng Nguyễn Đức (còn gọi Sông Cầu) thuộc địa phận xã Tiên Lát huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chùa Bồ Đà chính tên là chùa Quán Âm, nơi Đức Quán âm Bồ tát ứng hiện cứu đời(?)

Theo các nhà nghiên cứu phân tích thì tên chùa, tên núi Bồ Đà bắt nguồn từ chữ Bu đa Phật, mà dân quen gọi là Bụt?

Theo truyền lại thì từ xa xưa địa phận Tiên Lát có ba ngọn núi lớn, mỗi ngọn có tên riêng. Cao nhất là Phụng Hoàng Sơn, có nhiều đá mọc thông reo, ngọn thứ hai là Mã Yên Sơn và ngọn thứ ba là Kim Quy Sơn. Cả ba ngọn có tên chung là núi Bồ Đà, giải núi nhấp nhô, ngàn thông sum họp, gió mát chim kêu.

Cũng tương truyền, xưa không nhớ thời nào, trong làng có một người tiểu phu hàng ngày vào rừng kiếm củi nuôi thân nhưng chưa có con trai. Một hôm vác búa cấp riu lên núi kiếm củi bỗng gặp một gốc cây thông già, mỗi nhát bổ (sau gọi là chùa Bồ) ông lại niệm: "Quán thế âm Phật". Sau đó được 32 đồng tiền ở gốc cây, ông tự lấy làm lạ bèn đến vị Cao tăng hỏi

thì Cao tăng bảo rằng: "Đức Phật quán âm có 32 điều ứng"

Người tiểu phu khẩn cầu rằng: "Nhuộc bằng đức Phật quán âm phù hộ cho tôi sinh con trai, tôi xin dựng chùa thờ".

Quả nhiên sau người tiểu phu sinh con trai thực, rồi dành dụm được ít tiền bèn dựng một ngôi chùa lợp gianh và tô một pho tượng Quán âm tống tử để hương khói phụng thờ.

Chùa Bồ Đà được xây dựng lớn từ thời Lê. Năm Quý mao niên hiệu Bảo Thái nhà Lê (1720-1729) có vị trụ trì tên là Phạm Kim Hưng tiến hành trùng tu toà chính điện, thiêu hương, tiền đường...

Đến niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê (1740-1786) có vị sư tổ họ Ngô tự là Tinh Anh quê ở làng Bình Vọng huyện Thượng Phúc (nay thuộc Hà Tây) ngài xuất gia tu đạo, vân du tới đây, ngắm thấy phong cảnh địa linh tịch mịch, bèn cùng với nhân dân xây dựng chùa Tứ Ân và am Tam Đức. Lại trùng tu chùa Quán Âm.

Chùa Bồ bao gồm cả chùa Tứ Ân nên cũng còn có tên "Tứ Ân tự". Đến đời hoà thượng thứ tư là Chiếu Không, trùng tu một ngôi hai gian bằng đá xây vào năm Giáp Ngọ niên hiệu Minh Mạng (1820-1840). Đến năm Giáp Dần niên hiệu Thiệu Trị (1841-1847) lại đúc tượng Quan Thế Âm, tiếp tục xây dựng chùa Tứ Ân, nhất nhất đều mới. Năm Bính Ngọ niên hiệu Tự

Đức (1847-1883) đệ tử là ngài Phả Thuận lại dựng tiền đường năm gian làm nơi từ tụng.

Tiếp đến các hoà thượng Như Chiếu, Phả Tiến và ngày nay là Hoà thượng Quảng Luân đã nhiều lần trùng tu mở mang xây dựng thêm chùa, thành nơi tùng lâm quy mô rộng lớn.

Chùa Bồ Đà là một trong hai trung tâm Phật giáo lớn của tỉnh Bắc Giang thuộc Thiền phái Trúc Lâm.

Chùa Bồ Đà còn là nơi kế truyền các vị tổ sư khai trường thuyết pháp đào tạo các tăng đồ. Hàng năm kết hạ an cư, các vị tăng đồ tham thiền học đạo khá đông. Các vị tổ sư còn có khắc nhiều bản kinh luật đạo thừa để phục vụ cho việc đào tạo truyền bá kinh Phật, làm cho kho tàng pháp bảo của Phật giáo Việt Nam thêm phong phú.

Toàn bộ chùa có diện tích khoảng 51.784 m<sup>2</sup> được phân ra làm ba khu rõ rệt. Khu vườn: 31.000 m<sup>2</sup>, khu nội tự chùa: 13.000 m<sup>2</sup> và khu vườn tháp rộng 7.784 m<sup>2</sup>.

Khu vườn tháp: được xây tường đất kê đá. Vườn có 87 tháp (không kể 18 mộ không xây), được xây vào nhiều thời điểm với các kiểu loại khác nhau.

Khởi vườn chùa, được trồng các loại cây ăn quả truyền thống và các loại hoa màu thời vụ. Xung quanh được đào hào (rộng 2m sâu 1,5m) vừa để thoát nước vừa để ngăn cách bảo vệ.

Khu nội tự chùa: toàn bộ khu chùa hiện nay gồm

16 toà nhà lớn nhỏ với tổng số 92 gian bao gồm nhà tạo soạn, nhà tổ, tiền tế, in kinh, nhà trai, tam bảo, nhà khách...

Cùng với các công trình kiến trúc, chùa Bồ hiện nay còn lưu giữ được nhiều tài liệu hiện vật quý hiếm. Ngoài hệ thống tượng Phật theo dòng phái Trúc Lâm, ở chùa còn lưu giữ được nhiều văn bia văn khắc như: câu đối, đại tự, sách kinh Phật, các bộ đồ thờ hương án giá trị về mặt lịch sử văn hoá thời Lê-Nguyễn. Cũng qua các hiện vật, thư tịch còn lại ở chùa, không chỉ giúp cho chúng ta hiểu được sự hình thành phát triển của ngôi chùa, của dòng phái Trúc Lâm mà cả lịch sử văn hoá của một vùng. Một trong nhiều câu đối treo ở nhà tiền tế dưới đây phần nào nói lên ý nghĩa đó:

**Tam Đức Viên minh tự vạn thủy chi triều  
đông Bồ Xứ ức viên vĩnh Thọ.**

**Tứ ân đức dẫn như quân tinh chi củng bắc  
Đà Sơn lịch đại truyền đăng.**

*(Ba điều đức tròn trặn sáng láng tự bởi vạn ngọn hươc phía triều đông hội về xứ Bồ Đà muôn năm còn mãi. Bốn ân sâu nghĩa nặng tựa như các ngôi sao tụ hội về ở phía bắc núi Bồ Đà để qua các đời mà truyền lại ngọn toạ đăng thiền chủ).*

Trong chùa còn lưu giữ hệ thống tượng Phật thời Lê bằng gỗ khá đầy đủ. Tượng Phật chùa Bồ Đà không chỉ có giá trị lịch sử về sự phát triển của đạo

Phật thiền phái Trúc Lâm, còn là những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc phong phú. Trong đó có toà Cửu Long, ở đây còn 2 cây đèn thờ Lê bằng gỗ. Mỗi cây cao 0,60m, 1 chóa 0,60m, 1 lọ độc bình, 1 quả chuông đồng cao 1m, đường kính 0,60m có niên hiệu Tự Đức.

Hai án thư ở nhà tam bảo sơn son thếp vàng chạm khắc tinh xảo. Các bức đại tự, hoành phi, câu đối được sơn son thếp vàng lộng lẫy. Chùa còn 1 chiếc mõ cá dài 0,60m.

Ngoài ra chùa còn lưu giữ nhiều bộ sách kinh Phật-Văn in kinh có ba loại: Nam hải ký quy, Yết ma hội sắc, Lăng nghiêm chính mạch. Những bộ sách Hán Nôm này một số đã được dịch và in ra chữ quốc ngữ.

Cùng các di vật, đồ thờ tượng Phật phải kể đến khu vườn tháp, không chỉ có giá trị về mặt nghệ thuật kiến trúc mà còn cả về mặt lịch sử Phật giáo.

Hội chùa Bồ Đà hàng năm tổ chức từ ngày 15 đến 19 tháng 2 âm lịch, rất long trọng và đông vui. Đó là ngày giỗ tổ khai sơn lập ra Chùa Bồ Đà.

Việc tổ chức duy trì hội lễ ở Bồ Đà là việc làm có ý nghĩa. Những trò chơi trong lễ hội đã khơi dậy truyền thống yêu nước, tình cảm dân tộc...

NGUYỄN XUÂN  
Bảo tàng Bắc Giang

## ĐẠO PHẬT TỪ GÓC NHÌN VĂN HOÁ

Đạo Phật xuất hiện vào thế kỷ thứ VI trước Công nguyên. Người sáng lập Đạo Phật là Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhattha) thuộc dòng họ Thích Ca (Sakya), con Vua Tịnh Phạn (Suddhodana). Vua Tịnh Phạn cai quản một vương quốc nhỏ, thành Ca-Tỳ-La-Vệ (Kapilavastu) nay thuộc biên giới giữa Nêpan Ấn Độ.

Thái tử được vua yêu quý, xây cho lầu điện nguy nga, lại ban cho 500 thể nữ kiều diễm ngày đêm ca múa, đàn hát. Năm 17 tuổi, vâng theo lời Phụ vương, Thái tử kết hôn với nàng Da-Du-Đà-La. Sau đó, nàng Da-Du-Đà-La sinh một người con trai đặt tên là La-Hầu-La.

Sống trong cung điện xa hoa lộng lẫy, nhưng Thái tử vẫn luôn có nỗi buồn, trầm mặc. Thái tử khẩn cầu vua Tịnh Phạn để đi du ngoạn. Khi tiếp xúc với thực trạng đau khổ của kiếp người, Ngài bị xúc động mạnh. Ngài luôn luôn nghĩ tới chúng sinh, muốn xuất gia tìm đạo, để cứu chúng sinh thoát khỏi bể trầm luân khổ ải.

Năm Ngài 29 tuổi (có tài liệu ghi 19 tuổi) một đêm kia, sau buổi yến tiệc linh đình của nhà Vua, thừa

lúc mọi người ngủ say, Ngài rời khỏi cung điện, Ngài cũng định đánh thức bà Da-Du-Đà-La ngỏ lời từ biệt, song lại sợ lòng nhi nữ bịn rịn, ngăn trở. Ngài chỉ đành đứng nhìn vợ con lần cuối, rồi gọi người hầu cận trung thành thắng ngựa. Hai thầy trò ra đi, quân canh mãi ngủ, chẳng hay biết gì cả.

Thời gian đầu người tìm học các đạo sĩ danh tiếng, vào ở ẩn trong núi Tuyết Sơn. Tu luyện khổ hạnh sáu năm, thân hình gầy gò se sắt, mà chẳng đạt được đạo như mong muốn.

Thích Ca rời núi Tuyết Sơn, tìm đến núi Tượng Đầu. Sau khi tắm rửa tẩy chay, Người uống bát cháo sữa do mấy cô thôn nữ dâng cúng, rồi người thề rằng "Nếu ta ngồi đây mà không chứng được đạo quả, thì dù thịt nát xương tan, ta quyết không bao giờ đứng dậy".

Thích Ca ngồi thiền định dưới gốc cây bồ đề đến ngày thứ bốn mươi chín, vào lúc sao Mai vừa mọc thì bỗng nhiên Ngài thấy mình Đại Ngộ, thấu hiểu rõ được chân lý của vũ trụ và nguồn gốc sinh tử của con người. Từ phút ấy người thành Phật.

Sau khi đắc đạo, Thích Ca Mâu Ni giành 49 năm đi chu du khắp mọi nơi truyền đạo cho các đệ tử và mọi lớp người, không phân biệt tuổi tác, nam nữ, giàu nghèo. Ngài đem sự hiểu biết cao siêu và lòng từ bi hỷ xả giáo hoá chúng sinh.

Theo Phật Thích Ca thì mọi sự khổ đau đều do

con người ham muốn quá mức. Vì thế muốn diệt khổ đau, mỗi người phải từ bỏ ham muốn thái quá thì con người được sống an nhiên tự tại, không bị ràng buộc, tức là được giải thoát. Do đó Đạo Phật còn được gọi là Đạo giải thoát.

Giáo lý của Đạo Phật được xây dựng trên nguyên tắc Lý nhân duyên sinh (thường gọi: Lý duyên sinh). Theo thuyết này, mọi sự vật trên thế gian đều do các Nhân và Duyên hội hợp mà thành. Nhân là năng lực phát sinh, Duyên là lực hỗ trợ cho nhân phát sinh.

Phật giáo quan niệm các hiện tượng trong vũ trụ luôn biến chuyển không ngừng: thành, trụ, hoại, không (hình thành, tồn tại một thời gian, rồi bị huỷ hoại, và tan biến không còn). Đó là một hệ thống "nhân duyên" trùng trùng điệp điệp, vô thủy, vô chung...

Một do tất cả mà thành, tất cả do một mà có.

Trong một có tất cả, trong tất cả có một.

Một Thiên sư đã diễn đạt ý đó:

**Càn khôn tận thị mao đầu thượng**

**Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung**

Dịch:

*Mây lông chứa cả càn khôn rộng*

*Hạt cải thu gồm nhật nguyệt trong*

Theo kinh điển Phật giáo, trong vũ trụ bao la, ngoài thế giới ta đang sống, còn có 3 tỷ thế giới khác (Tam thiên đại thiên thế giới). Tất cả những sinh vật

sống trên các thế giới kể cả thế giới ta đang ở đều gọi là chúng sinh.

Căn cứ vào các thuyết về nghiệp, nghiệp báo, luân hồi, con người là kết hợp của ngũ uẩn bao gồm sắc (yếu tố sinh lý) thụ, tưởng, hành, thức (yếu tố tinh thần).

Sắc thân tồn tại một thời gian rồi sẽ huỷ diệt. Sắc thân huỷ diệt thì tinh thần cũng huỷ diệt theo. Phật giáo không công nhận một linh hồn vĩnh cửu, tách rời sắc thân. Không có gì bí mật trong vấn đề sống chết của con người.

Thiền tông là một tông phái chủ yếu của Đạo Phật, với phương pháp tu hành căn bản là tham thiền nhập định vẫn gọi là thiền định. Chữ Thiền tiếng Phạn là Thiền-Na là tư duy tĩnh tự, nghĩa là để cho tâm tư yên tĩnh không chút vướng bận. Có vậy mới được sáng tỏ. Chữ Định, tiếng Phạn là tập trung tư tưởng vào một đối tượng duy nhất, không cho phân tán, để tâm trí được yên tĩnh, quan sát suy nghiệm tìm ra chân lý.

Các Thiền phái của đạo Phật du nhập vào nước ta khoảng thế kỷ thứ hai, thứ ba sau Công Nguyên, bằng hai ngã: ngã từ phía Nam lên, do các nhà sư Ấn Độ truyền giáo, ngã từ phía Bắc xuống, do các nhà sư Trung Quốc truyền đạo.

Cho đến đời Lý, chùa chiền đã được xây dựng ở

khắp nơi. Phật giáo phát triển đến mức cực thịnh trở thành *quốc giáo*. Tầng ni trở thành một tầng lớp khá đông trong xã hội, những vị cao tăng có uy tín với triều đình được phong là *Quốc sư*. Đến đời Trần, từ vua, Hoàng hậu đến các Vương hầu, tướng lĩnh đều sùng đạo. Đạo Phật đã thấm khá sâu trong nhân dân. Cái góp phần nâng cao tâm hồn, trở thành một thành tố văn hoá Việt Nam chính là tính chất nhân bản: TỪ BI HỖ XẢ của Phật.

Ở đây, cũng cần khẳng định: Phật giáo ở nơi này nơi khác còn những nét duy tâm, bi quan, yếm thế. Nhưng về cơ bản Đạo Phật là một đức tin, với tính hướng thiện sâu sắc, coi trọng việc tu tâm, tu thân, có vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của nhân dân ta..

Muốn hiểu về con người Việt Nam, về văn hoá dân tộc chúng ta không thể không tìm hiểu một cách sâu sắc về Đạo Phật.

*Đại đức* THÍCH THIÊN VĂN

## THIÊN PHÁI TRÚC LÂM

Bắc Giang có 2 chùa lớn thờ "Trúc Lâm tam tổ" là chùa Vĩnh Nghiêm (Đức La) và chùa Bồ Đà.

Trong sử sách còn ghi rõ: Lý Đạo Tái (Huyền Quang) đang làm việc ở Viện Hàn Lâm. Một hôm ông theo vua Trần Nhân Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm gặp lúc Quốc sư Pháp Loa đang thuyết pháp. Lý Đạo Tái tâm đắc với đạo Phật, ông dâng biểu từ quan và xin xuất gia tu hành.

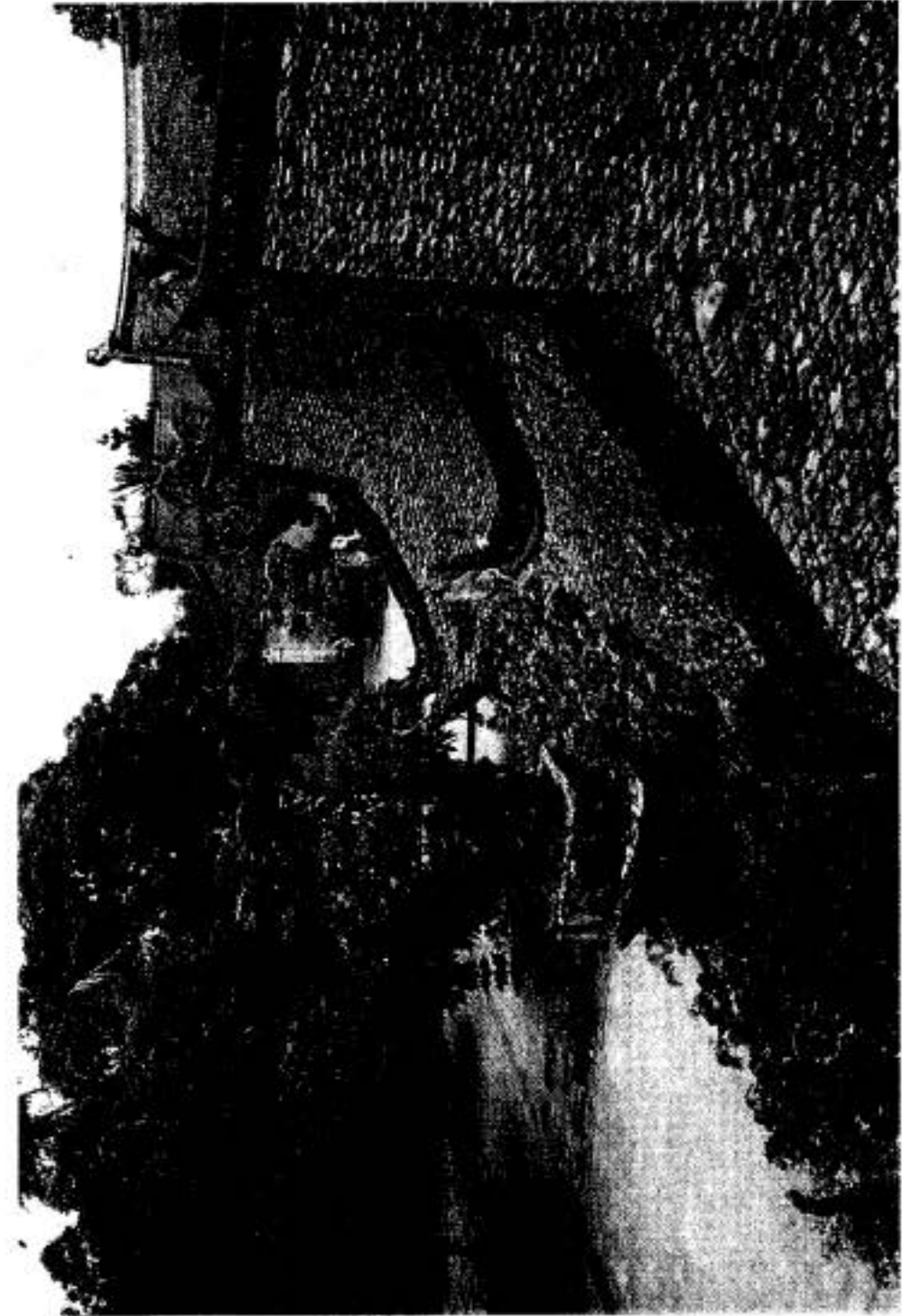
Được vua thuận tình, năm 1305 Lý Đạo Tái đã đi tu, sau trở thành vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm. Nhân đây xin giới thiệu những nét cơ bản về các vị tổ.

### Vị tổ thứ nhất

TRÚC LÂM ĐIỀU NGỰ TRẦN NHÂN TÔNG  
(1258-1308)

Trần Nhân Tông tên tục là Trần Khâm, sinh năm 1258 được truyền ngôi năm 1279, làm vua được 14 năm, lãnh đạo quân dân nhà Trần đánh thắng hai lần quân xâm lược Nguyên Mông (lần thứ hai, thứ ba). Đất nước thái bình, ông nhường ngôi cho con

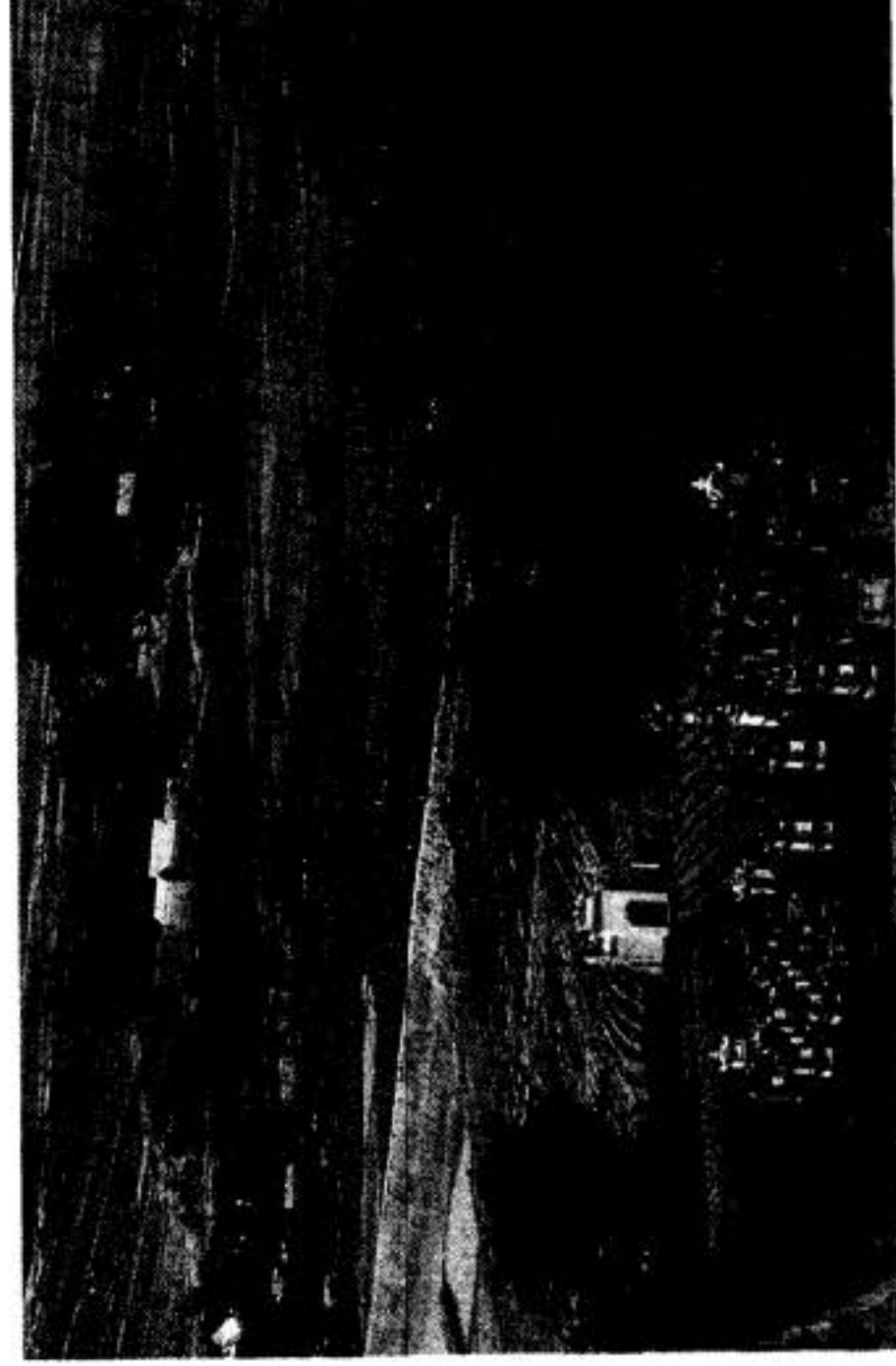
người anh là Trần Anh Tông, làm Thái Thượng hoàng, vừa tiếp tục công việc của triều chính, vừa chăm lo nghiên cứu đạo Phật. Ông đi nhiều nơi đến các chùa chiền, tăng viện thuyết pháp, giảng kinh, khuyên dân chúng làm 10 điều thiện. Thời đó giao thông còn nhiều trắc trở mà Trần Nhân Tông đã đến tận vùng Bồ Chính (Quảng Bình), lập am "Tri kiến" sang cả nước Chăm-Pa giao hảo với nước này, hứa gả công chúa Huyền Chân cho vua Chăm Pa lúc đó là Chế Mân. Ban đầu Trần Nhân Tông chọn hành cung Vũ Lâm (Yên Khánh, Ninh Bình) làm nơi tu hành. Sau đó ông đã lên Yên Tử, lấy thiền hiệu La Hương Vân Đầu đà, Trúc Lâm Điều ngự. Yên Tử trở thành "Thủ đô" của Phật giáo thời ấy. Với sự quyên cúng của các triều thần vì phật tử, Điều Ngự Trần Nhân Tông cho xây dựng ở đây nhiều chùa chiền, am tháp, có quy mô và giá trị về kiến trúc. Những di tích còn lại ngày nay ở Yên Tử là những chứng tích vô giá về cuộc sống tu hành ẩn dật, siêu thoát, khổ hạnh nhưng cũng nhiều chất thơ của Trúc Lâm đại sĩ và các đệ tử của ông. Trần Nhân Tông đã soạn nhiều sách thiền học, sáng tác nhiều thơ thiền, như các tập "Trúc Lâm hậu lục", "Thượng sĩ hành trạng", "Tăng già toái sự". "Đại vương Hải ấn thi tập"... Ông đã nói những lời thật là thống thiết với các môn đệ trong một buổi giảng kinh ở tăng viện Kỳ Lân (Côn Sơn) về bốn phận của phật tử.



• Một góc chùa cổ Vĩnh Nghiêm - Ảnh Việt Hưng



• Cảnh hội chùa ở Vĩnh Nghiêm - Ảnh Đ.H



• Vườn tháp ở Bồ Đà - Ảnh H.T



• Một cảnh ở Bồ Đà - Ảnh Thế Dũng

"Hỡi các người quang âm qua mau chóng, đời người trôi không ngừng. Tại sao các người ăn cháo cơm lại không tìm hiểu cái bát, cái thìa?"

Tư tưởng thiên và tâm hồn thi sĩ của Trần Nhân Tông đã gửi gắm ở nhiều bài kệ, bài thơ, vừa sâu sắc, vừa tinh tế, thanh cao.

Tư tưởng Thiên của Điều ngự Trần Nhân Tông mang tinh thần yêu nước, thương dân, gắn việc đạo với sự sống còn của xã tắc, nhân sinh. Lịch sử còn ghi hai câu thơ nổi tiếng của vua Nhân Tông đề ở Chiêu Lăng (lăng mộ của vua cha).

**Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã**

**Sơn hà thiên cổ điện kim âu**

Dịch:

*Xã tắc hai phen chôn ngựa đá*

*Non sông muôn thuở vững âu vàng*

Ở Yên Tử nay vẫn còn tháp Thiên định, nơi hàng ngày Điều ngự Trần Nhân Tông ngồi tham thiền, nhập định dưới bóng thông hoàn toàn tĩnh mặc, chỉ có mây vờn và gió núi. Ông viên tịch ngày 3 tháng 11 năm 1308, tại Yên Tử.

Trước khi qua đời, ông nhờ các đệ tử dìu lên đỉnh Ngoạ Vân như muốn đến gần cõi thiên giới hơn nữa, nhìn lại rừng trúc, rừng thông, dặn các đệ tử rằng

"Các người hãy về lo việc tu hành, đừng coi sinh tử là việc nhàn..."

Ở Yên Tử, trước chùa Hoa Yên là tháp Huệ Quang, thờ Trần Nhân Tông, có pho tượng ông bằng đá, là một di tích lịch sử văn hoá rất có giá trị.

Lên thăm Yên Tử du khách sẽ được chiêm ngưỡng các di tích ghi dấu chặng đường vua Trần Nhân Tông rời kinh đô xuất gia lên núi tu hành, trong đó có chùa Giải Oan bên suối Giải Oan. Tương truyền, khi Nhân Tông ra đi, cả đoàn các vương hầu, cung tần, mỹ nữ đi theo, níu kéo nhà vua trở lại. Khi đoàn người tới suối Hồ Khê, bên kia là rừng trúc rồi các đỉnh núi cao dần. Nhà vua ngăn lại, lệnh cho tất cả quay về. Người qua suối. Khi bóng nhà vua khoác áo cà sa khuất vào rừng trúc thì tiếng kêu oan, khóc lóc càng thảm thiết. Tuyệt vọng vì bị bỏ rơi, các cung nữ nhảy xuống suối tự vẫn để tỏ lòng trung chính với nhà vua. Trần Nhân Tông cho dựng chùa bên suối để độ trì cho những linh hồn oan uổng, gọi là chùa Giải Oan. Suối Hồ Khê chảy gấp khúc vòng lượn dưới chân Yên Tử từ ấy được mang tên là suối Giải Oan.

#### Vị tổ thứ hai

THIÊN SU PHÁP LOA (1284-1330)

Tên tục của Thiền sư Pháp Loa là Đồng Kiên Cương, ông sinh năm 1284, tại thôn Đồng Hoà, hương

Cửu La, nay thuộc xã Ái Quốc, huyện Nam Thanh. Tương truyền bà mẹ là Vũ Thị sinh tám lần đều là con gái. Đến khi có thai lần thứ chín, mấy lần bà tìm thuốc phá thai nhưng đều vô hiệu. Do đó đến khi sinh con trai, bèn đặt tên là Đồng Kiên Cương. Khi Đồng Kiên Cương ra đời, mùi hương thơm đầy nhà, lâu mới tản đi. Lớn lên, Đồng Kiên Cương đã mộ đạo, có chí hướng tu hành. Trong một chuyến Điều ngự Trần Nhân Tông đi chu du thuyết pháp, qua hương Cửu La, Đồng Kiên Cương đến bái yết và xin được xuất gia. Trần Nhân Tông nói: "Người này có mắt đạo, sau này ắt có pháp khí" bèn nhận làm đệ tử và ban cho tên là Thiện Lai. Thiện Lai tu hành chăm chỉ, hiểu sâu giáo lý nhà Phật, được Điều ngự quý mến, thường cho sư hầu bên cạnh mỗi khi lên đàn truyền đạo. Năm 1306, tại tăng viện Kỳ Lân (Côn Sơn) Điều ngự truyền cho giới Thanh Văn và Bồ Tát, Thiện Lai lĩnh hội đầy đủ. Điều ngự ban cho thiền hiệu là Pháp Loa. Tại am Ngọa Vân ở Yên Tử, Điều ngự lấy y bát cùng bài kệ tâm thư trao cho Pháp Loa. Ngày mồng 1 tháng Giêng năm Hưng Long thứ 16 (1308), tại chùa Siêu Loại (Hà Bắc), Điều ngự Trần Nhân Tông làm lễ trao truyền nối dòng thừa kế cho Pháp Loa có sự chứng kiến của Vua Trần Anh Tông và đông đảo các quan cùng tăng ni. Pháp Loa trở thành vị tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm, khi

ông mới 25 tuổi. Tháng mười một năm ấy Điều ngự Trần Nhân Tông ở Yên Tử, Pháp Loa hộ tống xá lý (tro xương) của Điều ngự về cung vua ở kinh đô Thăng Long.

Hơn hai chục năm chủ trì thiền phái Trúc Lâm, thiền sư Pháp Loa đã xây dựng được nhiều chùa chiền, đúc chuông, tạc tượng, độ được hàng nghìn tăng ni, trong đó nhiều vị đắc pháp được in vào đồ tịch của nhà Phật. Pháp Loa cũng chủ trì hoàn thành in bộ Kinh Đại Tạng, đi thuyết pháp ở nhiều nơi. Những công trình do Pháp Loa xây dựng hồi ấy, như chùa tháp ở Côn Sơn, chùa Thanh Mai, Hồ Thiền, nhất là chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều) là một tăng viện lớn. Tháng 2 năm 1330, Pháp Loa về viện Quỳnh Lâm dưỡng bệnh. Tại đây Pháp Loa lấy áo cà sa của Điều ngự Trần Nhân Tông cùng với bài kệ tả tâm trao cho Huyền Quang, thừa kế nối dòng thiền phái Trúc Lâm. Thượng Hoàng Trần Minh Tông về Quỳnh Lâm cùng quan thái y thăm bệnh Pháp Loa. Nửa đêm ngày 1 tháng 3, bệnh nhà sư thêm nặng, Đệ tử đến thưa rằng: "Người xưa lúc sắp mất đều có lời kệ chỉ bảo, tại sao thầy một mình không?" Pháp Loa quở mắng đuổi ra. Lúc lâu sau ông ngồi dậy, vẽ bút viết bài kệ còn truyền đến ngày nay.

### Vị tổ thứ ba

THIỀN SU HUYỀN QUANG (1254-1334)

Huyền Quang tên thật là Lý Đạo Tái, thuộc dòng dõi quan lại nhà Lý, quê ở xã Vạn Ty, huyện Gia Định. Cha là Tuệ Tổ, có công đánh giặc Chiêm Thành sang ta quấy nhiễu, được nhà Trần bổ làm quan nhưng không nhận, thích sống cảnh điền viên, xem sách hay, truyện lạ. Bà vợ năm ba mươi tuổi sinh hạ Lý Đạo Tái. Lý Đạo Tái tướng mạo dị kỳ, nhưng có chí hướng và học hành thông minh. Năm mười chín tuổi thi Hương, năm sau thi Hội, đỗ đầu (Tiến sĩ). Lúc còn niên thiếu cha mẹ có dạm hỏi vợ nơi này nơi khác cho Lý Đạo Tái nhưng đều bị từ chối. Nhưng khi thi đỗ thì các nhà quyền quý nhún gò gả con gái, cả vua Trần cũng muốn gả công chúa Liễu cho, nhưng ông đều khước từ. Người đời có câu ca dao:

*Khó khăn thì chẳng ai nhìn*

*Đến khi đỗ trạng tám nghìn nhân duyên!*

Lý Đạo Tái làm việc ở Viện Hàn Lâm, soạn thảo văn thư, giao tiếp với sứ Tàu, viện dẫn kinh nghĩa, đối đáp trôi chảy rất được kính phục. Một hôm ông theo vua Trần Nhân Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm, gặp lúc Quốc sư Pháp Loa đang thuyết pháp, Lý Đạo Tái tâm đắc với đạo Phật, ông dâng biểu từ quan và xin xuất gia tu hành được vua thuận tình. Năm 1305

Lý Đạo Tái bắt đầu tu hành ở chùa Lê Vinh, làm môn đệ của Bảo Phác, một đệ tử giỏi của Pháp Loa, rồi trụ trì ở chùa Vân Yên (cũng gọi là Hoa Yên) trên núi Yên Tử. Giáo lý của Huyền Quang uyên bác, sâu rộng, nên các tăng ni theo học rất đông. Pháp Loa đặt pháp hiệu cho ông là Huyền Quang. Điều ngự Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang thường đi du ngoạn khắp trong nước, cho phép Huyền Quang lên toà giảng kinh để thu nạp đệ tử. Nhà vua xuống sắc yêu cầu Huyền Quang soạn các sách giảng kinh, sách giáo khoa Phật, cho in nhiều bản khắc, truyền bá trong dân. Vua Trần khen: "Các sách vở nói về đạo Phật do chính Huyền Quang viết ra thì không nên thêm bớt một chữ nào".

ĐỖ NHẬT MINH

*Sưu tầm*

### HUYỀN THOẠI VỀ SƯ HUYỀN QUANG VỚI NÀNG ĐIỂM BÍCH

Trước một vị cao tăng toàn tâm toàn ý cho việc tu hành, vua Trần Anh Tông rất kính phục, vì nể. Một hôm vua nói với các vua quan và các vị sư nổi bật đương thời:

- Người ta sinh ra ở đời, công khí âm mà ôm khí dương, ăn của ngon, yêu sắc đẹp, người nào cũng có

tình dục ấy. Chúng ta vì dốc lòng học đạo mà phải ức chế, nhưng chỉ ức chế một phần tình dục ấy mà thôi. Nay xét lão tăng Huyền Quang sinh ra sắc sắc, không không, yên lặng như nước không sóng, trong sáng như gương không bụi, như vậy là sư ấy ức chế được tình dục, hay không có tình dục?

Lưỡng quốc Trạng Nguyên Mạc Đĩnh Chi liền tâu:

- Hoạ hổ hoạ bì nan hoạ cốt, tri nhân, tri diện, bất tri tâm (Vẽ hổ vẽ da khó vẽ được xương, biết người biết mặt không biết được lòng dạ). Hãy thử xem thì mới biết hay dở...

Nhà vua nghe theo. Vua ngầm sai chọn nàng Điểm Bích, một cung nữ mười chín tuổi, khôn khéo, có sắc đẹp quyến rũ, có tài văn thơ, mở miệng thành chương để đi thử đức chân tu của Huyền Quang. Nhà vua dặn Điểm Bích rằng: "Nhà sư này vốn không có sắc dục, tính chất cứng rắn, giới hạnh cao lắm... Mi đi thử thách nhà sư, nếu xem còn động lòng tình dục, quyến luyến, thì dụ nhà sư lấy nén vàng làm bằng chứng. Nếu lừa dối sẽ có tội..."

Điểm Bích vâng lệnh vua lên đường đi Yên Tử, mang theo một đầy tớ nhỏ tuổi. Nàng nhờ bà sư già cùng quê ở chùa Vân Yên thưa với Huyền Quang xin được xuất gia tu hành tại chùa. Bà sư thường sai Điểm Bích bưng trà lên hầu Huyền Quang. Huyền Quang thấy vị ni cô trẻ từ khoẻ mắt nhìn đến dáng

điều đi đứng có thái độ trắng gió không phải là Phật tử cầu đạo, liền quở trách bà sư già và sai đuổi Điểm Bích về nhà đi lấy chồng, làm ăn, chờ đến tuổi về già hãy trở lại chùa tu hành học đạo. Điểm Bích thấy khó có thể dùng sắc dục để làm lay chuyển giới hạnh của Quốc sư, bèn nảy ra mưu kế dựng lên câu chuyện thương tâm để lợi dụng lòng từ bi cứu khổ, cứu nạn của nhà sư. Điểm Bích đến khóc lóc với bà sư già, kể lể rằng mình là con nhà gia thế ở huyện Đường An. Cha làm huyện thừa, đem vàng lên kinh nộp thuế vào kho, đi đường bị kẻ gian lấy mất sạch, may được quan trên thương tình, cho khất năm sau phải nộp đủ số vàng đã mất, nếu không nộp đủ sẽ phải tịch thu gia sản, bắt bỏ tù. Vì thế bố con nàng mới đi van xin các nơi, cầm bán gia tài điền sản nhưng vẫn chưa đủ số vàng phải nộp. Nàng đến đây trông cậy công đức của nhà Phật, mau được phát tâm giúp đỡ, thoát nạn phần nào...". Bà sư già cùng các tăng ni nghe nói đều ứa nước mắt thương tình, liền vào bạch với Quốc sư xin công đức số vàng để cứu tính mệnh cho nhà Điểm Bích. Huyền Quang nghe chuyện trầm ngâm suy nghĩ rồi nói:

- Xưa có vua Hán Văn nghe lời của Đê Oanh mà vua cảm động bỏ nhục hình. Ta nên vì nàng lên kinh đô tâu bày việc này, hoạ may cảm động được đức hiếu sinh của nhà vua?

Một môn đệ hầu bên liền bạch rằng:

- Luật pháp là chung cho cả nước. Kẻ kia không giữ cẩn thận dẫn đến phạm tội với quan trên, đây là phạm luật công. Nay ta có tiền vàng làm công đức là ơn huệ riêng. Làm vậy không phương hại đến pháp luật chung, như thế có nên không ?

Huyền Quang cho là vị sư nói phải, bèn đem một lượng vàng cho Điểm Bích trở về chuộc tội cho cha. Các tăng ni cũng đem tiền của ra bố thí.

Điểm Bích được vàng rồi, trở về triều tâu với vua dựng lên một chuyện hoàn toàn khác với sự thực:

- Thiếp vâng mệnh đến Yên Tử, lên chùa Vân Yên tự xưng là con gái nhà dân đến xin học đạo Tôn sư. Bà sư già thường sai thiếp bưng nước trà lên hầu sư, trong vòng hơn một tháng, sư chưa đoái nhìn, hỏi han. Một buổi tối sang đến canh ba, đêm khuya, các tăng ni đã đi ngủ, thiếp bèn đến bên phòng của Quốc sư, thấy Quốc sư còn thao thức và ngâm bài kệ rằng:

*Vàng vạc trắng mai ánh nước*

*Hiu hiu gió trúc ngâm sen*

*Người hoà tươi tốt cảnh hoà lạ*

*Mâu Thích Ca nào thú hữu tình?*

Sư ngâm đi ngâm lại ba lần. Thiếp bèn đánh bạo vào phòng tăng, cáo từ nhà sư để trở về quê thăm

cha mẹ, chờ nằm sau trở lại học đạo. Sư bèn giữ thiếp lại một đêm, rồi cho thiếp một lạng vàng.

Nhà vua nghe xong, bực mình thốt:

- Nếu việc ấy có thực thì ta đã đạt được mưu kế giăng lưới bắt chim. Nếu việc ấy không có thì sư ấy cũng không tránh khỏi sự nghi ngờ "đi qua ruộng dưa mà sửa giày"...

Vua Anh Tông liền sai mở hội Vô già ở phía Tây đô thành và sai sứ đi Yên Tử mời Huyền Quang về làm án Pháp. Đến hội đàm, thấy cảnh bày biện mộc, vàng, lụa, các món tạp vật, Huyền Quang biết là mình đã bị thử thách. Sư ngẩng lên trời thờ dài, lên đàn ba lần, xuống đàn ba lần, bái vọng ra mười phương thánh hiền... Thấy có đám mây đen từ phía Đông Nam xuất hiện, gió nổi to, các bàn tạp đều bay đi hết, chỉ còn lại đèn nhang án và đồ cúng. Vua thấy Quốc sư đạo pháp thông thấu đến trời đất, liền vái tạ lỗi Huyền Quang và bắt phạt Diêm Bích không cho làm cung nhân, mà đi quét chùa Cảnh Linh trong cung điện.

Huyền Quang về sau trụ trì ở chùa Thanh Mai sáu năm, lại đến ở chùa Côn Sơn, lập Cửu phẩm liên hoa. Ngày 23 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1334) Huyền Quang viên tịch tại Côn Sơn. Vua Trần Minh Tông cấp ruộng để thờ cúng, cúng 10 lạng vàng, sai

đệ tử tăng ni xây tháp mộ phía chân núi sau chùa, đặc phong là Huyền Quang tôn giả.

Chuyện nàng Diêm Bích với sư Huyền Quang và Huyền Quang làm án pháp ở hội Vô già chỉ là chuyện dã sử lưu truyền.

Ngày nay đến thăm di tích Côn Sơn, ta thấy mộ tháp Huyền Quang ở sau chùa. Đó là tháp mộ bằng đá, được dựng sau này. Tháp mộ đầu tiên bằng đất nung, có hoa văn rất đẹp, được phục chế thu nhỏ trong nhà trưng bày ở Côn sơn. Ngoài soạn kinh sách, Huyền Quang còn làm nhiều bài kệ, và thơ. Thơ ông mang đậm thú hứng thiền, nhưng uyên bác, trang nhã, giàu lòng nhân ái, cùng văn thơ của Trần Nhân Tông, Pháp Loa là những di sản văn học rất có giá trị thời Trần.

TRẦN QUYỂN  
*Sưu tầm*

KIỀU TRÍ HUYỀN

(? - ?)

Trả lời Từ Đạo Hạnh  
hỏi về chân tâm

*Rộn vang mình ngọc, âm huyền diệu,  
Phơi rõ lòng Thiền, ngọc mắt trông.  
Khắp cõi hà sa đâu cũng Phật,  
Mà như tới Phật, cách muôn trùng !*

Huệ Chi dịch

*ĐÁP TỪ ĐẠO HẠNH  
CHÂN TÂM CHI VẤN*

Ngọc lý bí thanh diễn diệu âm  
Cá trung mãn mục lộ Thiền tâm.  
Hà sa cảnh thị bỏ đề đạo  
Nghĩ hướng bỏ đề cách vạn tâm

VIÊN CHIỀU Thiền Sư

(998-1090)

Không bệnh bảo mọi người

*Thân như tường vách đã lung lay,  
Lật đặt người đời, những xót thay  
Thấu lẽ tâm không, không sắc tướng  
Sắc không, ẩn hiện mặc vẫn xoay*

(Thiền Uyển Tập Anh)

*VÔ TẬT THỊ CHÚNG*

Thân như tường vách dĩ đôi thì  
Cử thế thông thông thực bất bi  
Nhược đạt tâm không vô sắc tướng,  
Sắc không ẩn hiện nhiệm suy di

LÊ THỊ Ý LAN  
(? - 1117)

Sắc và không

*Sắc là không, không tức sắc,  
Không là sắc, sắc tức không.  
Sắc, không đều chẳng quản  
Mới khế nhập chân tông.*

Hoa Bằng dịch

SẮC KHÔNG

*Sắc thị không, không tức sắc,  
Không thị sắc, sắc tức không.  
Sắc, không câu bất quản,  
Phương đắc khế chân tông.*

(Thiền Uyển Tập Anh)

KHÔNG LỘ Thiền Sư  
(? - 1119)

Tỏ lòng

*Kiểu đất long xà chọn được nơi,  
Thú quê nào chán suốt ngày vui.  
Có khi đỉnh núi trèo lên thẳng,  
Một tiếng kêu vang lạnh cả trời.*

Phan Võ dịch  
(Hoàng Việt thi tuyển -  
Bùi Huy Bích)

NGÔN HOÀI

*Trạch đắc long xà địa khả cư,  
Dã tình chung nhật lạc vô dư  
Hữu tri trực thượng cô phong đỉnh  
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.*

HOÀNG VIÊN HỌC

(1072 - 1136)

Nghe tiếng chuông

*Lục thức thâu đêm khổ mịt mừng  
Vô minh, mê ám hoá vô công  
Sớm tối nghe chuông bừng tỉnh ngộ  
Thần lười rũ sạch, được thần thông.*

D.P dịch

VĂN CHUNG

*Lục thức thường hôn, chung dạ khổ,  
Vô minh bị phú cứu mê dung  
Trú dạ văn chung khai giác ngộ,  
Lân thần tịch sát đắc thần thông.*

(Thiền Uyên Tập Anh)



\* Nhà Phật quan niệm người ta vốn có tuệ tính thông suốt vô ngại, biến, hoá bất thường. Ai tu chứng được như vậy gọi là thần thông.

TÔ MINH TRÍ

(? - 1196)

Tìm tiếng vọng

*Gió cảnh thông, lòng sông trắng sáng,  
Bóng cũng không, hình dáng cũng không.  
Sắc thân, thân sắc đều không,  
Nhự tìm tiếng dội trong lòng hư vô.*

Nam Trân dịch

TÂM HƯỞNG

*Tùng phong thuỷ nguyệt minh  
Vô ảnh diệt vô minh.  
Sắc thân giá cá thị,  
Không không tâm hưởng thanh.*

(Thiền Uyên Tập Anh)

PHẠM THƯỜNG CHIỀU

(? - 1203)

**Đạo**

*Không màu sắc, đạo xưa nay  
Tốt tươi muôn vẻ ngày ngày hiện ra,  
Ba nghìn thế giới hà sa  
Đâu đâu cũng vẫn là nhà đạo thôi*

Vũ Huy Ba dịch

**ĐẠO**

*Đạo bản vô nhan sắc  
Tân tiên nhật nhật khoa.  
Đại thiên sa giới ngoại.  
Hà xứ bất vi gia.*

(Thiền Tuyền Tập Anh)

TRẦN NHÂN TÔNG

(1258-1308)

**Cảnh xuân**

*Chim nhẩn nha kêu, liễu trở dày  
Thêm hoa chiều rợp bóng mây bay.  
Khách vào chẳng hỏi chuyện nhân thế,  
Cùng tựa lan can nhìn khói mây.*

Huệ Chi dịch

**XUÂN CẢNH**

*Dương liễu hoa thâm điều ngử trì,  
Hoa đường thiêm ảnh mộ vân phi.  
Khách lai bất vấn nhân gian sự  
Cộng ý lan can khán thúy vi.*

PHÁP LOA Tôn giả  
(1284-1330)

Nhấn nhủ

*Muôn duyên cắt đứt được thân nhân  
Hơn bốn chục năm mộng mơ màng  
Nhấn nhủ mọi người đừng viếng hỏi  
Bên này trăng gió cũng mênh mang...*

\*

*"Vạn duyên tiệt đoạn nhất thân nhân  
Tứ thập dư niên mộng ảo gian  
Trân trọng chư nhân hưu tá vấn  
Na biên phong nguyệt cánh mai khoan*

\* Bài kệ, đọc trước khi viên tịch

HUYỀN QUANG Tôn giả  
(1254-1334)

Nhà trong núi

*Gió thụ khuya khoắt thoáng hiên ngoài,  
Quanh quẽ nhà non lấp dưới gai  
Thôi đã theo Thiên lòng lặng tắt,  
Nỉ non tiếng đế vẫn vì ai*

Huệ Chi dịch

SƠN VŨ

*Thu phong ngộ dạ phát thiêm nha,  
Sơn vũ tiêu nhiên chấm lục la.  
Dĩ hĩ thành thiên tâm nhất phiến,  
Cùng thanh tức tức vị thủy da!*

NGUYỄN BÀNH  
(Thế kỷ XV)

Sư già trong núi

*Gọt đầu tu trong núi  
Chùa xa trái tháng ngày  
Mây sâu người chiếc bóng  
Thăm hỏi tuyệt không ai*

SƠN TỰ LÃO TĂNG

*Sơn trung lão chúc phát  
U tự cửu thê thiên  
Độc ngoạ vân thâm xứ  
Vô nhân lai vấn niên*

(Theo Hoàng Việt thi văn tuyển  
nxb. Văn hoá, Hà Nội. 1958)

Chúc phát: cạo tóc thụ giới làm sư.

LÊ THIẾU DĨNH  
(Thế kỷ XV)

Chùa Lẽ Đễ

*Núi sâu khe vắng vẻ  
Chùa cổ mây trắng bao  
Khách đến sư không hỏi,  
Gió từng đẩy cửa vào*

LỄ ĐỄ SƠN TỰ

*Sơn thâm thanh giản tịch  
Tự cổ bạch vân ngàn  
Khách chí tăng vô thoại,  
Tùng phong tự khải quan*

(Theo Hoàng Việt thi văn tuyển  
Bùi Huy Bích, nxb. Văn hoá, 1957)

## Chùa Vĩnh Nghiêm

Vĩnh Nghiêm từng bách biếc mây vờn,  
Chốn Tổ lưu truyền đâu đẹp hơn!  
Yên tử rạng ngày hồng rực núi  
Trúc lâm khơi mạch sáng trong nguồn  
Hạ sang cửa Phật muôn bướm nổi  
Xuân đến vùng Thiên vạn sắc non  
Đây đất xưa nay giàu thi hứng  
Sông chiều vắng vắng vọng hồi chuông

Duy Phi dịch

## VĨNH NGHIÊM TỰ

Vĩnh Nghiêm từng bách bách vân bình  
Tổ pháp lưu truyền nhất đẳng danh  
Yên Tử nhật đăng phong mãn diệu  
Trúc lâm truyền khởi thủy trường minh  
Hạ lai môn tự thiên phạm phiến  
Xuân đảo xứ Thiên vạn sắc sinh  
Thử địa yên hà tạo nhĩ hứng  
Giang biên diệu diệu mộ chung thanh

Kim Dung sưu tầm

Phan Xuân Hật

## EM ĐI CHÙA

Một đời lận lội mưu sinh  
Về già em tới cầu kinh, lễ chùa  
Khói hương nhòa nhạt được, thua  
Nâu sông gói lại cay chua, vào Thiên...!"

10-1996

Khánh Luyện

## NHỚ MẸ

Phật Đản, dưới mái Đức La  
Chợt nhớ Hoàng hậu Ma-gia  
Lòng Mẹ phải chăng trời biển?  
Sinh con: Đức Phật Thích ca

Ngô Huy Bích

### ĐẾN BỔ ĐÀ

*Đến Bồ Đà buổi đầu thu  
Được xem bao ngọn tháp xưa diệu kỳ  
Đền Quan Âm giữa núi kia  
Thấm nhuần cõi Phật cũng vì chúng sinh*

### ĐÁO BỔ ĐÀ

*Kim nhật sơ thu đảo Bồ Đà  
Đăng sơn ngoạn cảnh tháp kỳ na  
Am thiên trung tự Quan Âm Phật  
Nhuận trạch nam vô, ngã vị tha*

Nguyễn Huy Tập

### ĐỀN THUỢNG CẢM TÁC

*Đền Thạch tướng quân đỉnh biếc mây  
Công tích lưu truyền mãi đến nay  
Anh hùng xuất thế vì trung nghĩa  
Linh khí còn khôn ở lại đây*

### CẢM XÚC Ở ĐỀN THUỢNG

*Vân bích cao sơn Thạch tướng quân  
Lưu truyền công tích hậu nhân quân  
Anh hùng xuất thế vì trung nghĩa  
Linh khí còn khôn phục giáng trần*

Kim Ô

## CHÙA BỔ

*Chùa bổ một trăm gian  
Mỗi gian bao nhiêu ngói?  
Đi bên em anh nói  
Bằng nỗi lòng lặng im*

*Các vị Phật toà sen  
Nói gì về dân tộc  
Mà một tay ông Ác  
Vung thanh kiếm nghiêm minh  
Và ông Thiện tay kia  
Lại giơ cao viên ngọc  
Những hình hài cuộc sống  
Đau xót trăm quăng đời  
Bao kiếp sống luân hồi  
Khi dân mình mất nước*

*Nay quê mình nao nức  
Mở hội vui được mùa  
Anh và em thăm chùa*

*Mai anh về biên giới  
Tiếng trống vui ngày hội  
Giọng nói cười râm ran  
Như nhịp hát, tiếng đàn  
Trong mùa xuân biên giới*

*Nghe mái chùa đang nói  
Tình yêu thương mệnh mang  
Một gian bao nhiêu ngói  
Ngôi chùa thì trăm gian...*

Đặng Tiến Huy

### BÔNG SEN VÀNG

*Không đâu như ở nơi này  
Có tượng ngàn mắt ngàn tay lạ lùng  
Duy có một trái tim chung  
Trái tim của mẹ nở bông sen vàng...*

1990

Trần Minh

### CHÙA DỀN

*Tuổi thơ từng đến chốn từng lâm  
Chùa xưa nay lại ngát hương trầm  
**Không sắc** đời người như mây nổi  
Lắng nghe bài kệ bỗng sáng tâm.*

Duy Phi

### TÔN NGHIÊM...

*Tôn nghiêm chùa đỉnh non cao  
Tiếng chuông trì tụng gõ vào nước mây  
Một vòng tràng hạt lần xoay  
Bát hương cầu nguyện đã dày chân hương*

J.Leiba

### BẾN GIÁC

*Phù thế đã nhiều duyên nghiệp quá!  
Lệ lòng mong cạn chốn am không  
Cửa thiền một đóng duyên trần dứt.  
Quên hết người quen chốn bụi hồng.*

Nguyễn Phan Hách

TRƯỚC TƯỢNG  
NGHÌN MẮT NGHÌN TAY

Mái tam quan dội tiếng chuông chiều  
Mẹ lên chùa dâng hương ngày hội  
Nhành mầu đơn ai vừa đánh gậy  
Tượng Phật Bà nghìn mắt nghìn tay  
Áo dài nâu thắt vạt đổi vai  
Tay mẹ chắp như đài hoa ngọc bút  
Nghìn tay Phật ngọc ngà óng chuốt  
Toả như vầng ánh nắng mặt trời  
Trên đài sen nghìn mắt sáng ngời  
Đều tụ lại trong ánh nhìn của mẹ  
Mẹ và Phật bên nhau lặng lẽ  
Những bàn tay nói với bàn tay  
Phải nghìn tay này là của mẹ đây  
Tay cấy lúa nên những mùa xanh biếc  
Tay bông con ru hời tha thiết  
Con lớn lên trong êm ấm vòng tay

Nghìn tay này là của mẹ đây  
Công việc một đời, mẹ làm xong tất cả  
Những ngón đẹp như búp cây thon nhỏ  
Một đời dầm trong đất, một đời  
Phép nhiệm mầu từ đấy mẹ ơi  
Tay Phật tạc theo hình tay mẹ  
Mẹ và Phật bên nhau lặng lẽ  
Những bàn tay nói với bàn tay...

Duy Khoát

## GHÌ TRƯỚC CỬA THIỀN

Lấn trong hương khói mơ màng  
Có em cùng bước dịu dàng bên anh  
Vào nơi cửa Phật anh linh  
Mà như đi giữa chúng sinh cõi người  
Đầu bao thế kỷ qua rồi  
Còn đây dấu tích cuộc đời cha ông  
Mái chùa cong dáng thuyền rồng  
Tay chèo gác lại bên sông tháng ngày  
Tháp chuông hiện giữa nền mây  
Long ly như múa như bay dập dờn  
Ôi người nghệ sĩ - nông dân  
Bàn tay như có phép thần tạo nên  
Ngước trông lên chốn đài sen  
Xót thương đức Phật ngồi trên lạng tờ  
Hỡi ai tạc dáng người xưa  
Đăm chiêu khuôn mặt, mình xơ xác gầy

Chiếc thuyền vỏ trấu còn đây  
Phải người xưa đã tỏ bày ước mong?  
Một vùng châu thổ mệnh mông  
Mà sao người chẳng no lòng, lúa ơi  
Đất đâu có bạc với đời  
Mà sao phận bạc bao người tài hoa  
Ôi nghìn tay của Phật bà  
Cứu đời đời vẫn sao mà truân chuyên  
Bọn ma tà cứ giấu lên  
Bao người lương thiện thì thêm nghèo hèn  
Hồn như đã nhuộm mùi Thiền  
Mất em buồn đượm nỗi niềm xưa xa  
Chuông chùa chợt đổ ngân nga  
Lan vào cõi tục chan hoà bốn bên  
Rút rè anh nắm tay em  
Mây trời thu lại xanh trên mắt huyền  
Dấu đời: bể khổ triền miên  
Thì anh vẫn chả sao quên tình đời.

---

Trong ngôi chùa có chiếc thuyền hình cái vỏ trấu, biểu trưng lòng khát vọng của ông cha ta muốn có hạt lúa to như chiếc thuyền./.

Nguyễn Thanh Kim

### VÔ ĐỀ

*Đứng ngồi khắp tả hữu  
La Hán tượng quây quần  
Nét đau từng thớ gỗ  
Cớ chi động lòng trần?*

*Giải thoát ư giải thoát  
Ra tam quan ngó trời  
Lộc non bùng dưới nắng  
Xoáy tròn cánh hoa rơi...*

Nguyễn Bộ

### SƯƠNG TRẮNG...

*Sương trắng trùm kín phố  
Thoảng hương ngâu đầu dây  
Sông xa vọng tiếng chuông chùa điểm  
Lữ khách vương buồn cả nước mây*

Trần Anh Trang

### VÀO CHÙA

*Bao ngày công tác bận  
Hôm nay ta vào chùa  
Phật vẫn Phật nghìn xưa  
Người vẫn người cầu nguyện*

*Ông Ác cầm độc kiếm  
Bao kẻ tà thất kinh  
Một nụ cười ông Thiện  
Toả vào lòng chúng sinh  
Tìm một chút tâm linh  
Giải nổi niềm trần thế  
Nhưng cảnh đời dâu bể  
Lại gặp trong chùa này...*

*Một nụ cười hỉ xả  
Trăm đứng ngồi trăm luân  
Vàng thoi và tiền giấy  
Lạm phát hơn cỏi trần*

*Phật còn có trên dưới  
Hướng chi là loài người  
Kẻ giàu dưng lễ vật  
Kẻ nghèo kêu tàn hơi*

*Giơ tay chào cội Phật  
Thôi ta ra với đời  
Dẫu còn nhiều đầy vơi  
Với buồn vui rất thật!*

Huy Ngọc

### BÊN SÔNG THƯƠNG

*Sông Thương ngày đêm dào dạt  
Chùa quê mấy nếp thâm nghiêm  
Chiều hôm trầm hương cội Phật  
Tiếng chuông rộng sóng Đạo Huyền*

Nguyễn Bình

### XUÂN VỀ

*Đã thấy xuân về với gió đông  
Với trên màu má gái chưa chồng  
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm  
Ngước mắt nhìn trời đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,  
Mưa tạnh, trời quang, nắng mới hoe.  
Lá nốn nhành non ai trắng bạc?  
Gió về từng trận, gió bay đi...*

*Thong thả nhân gian nghỉ việc đồng.  
Lúa thì con gái mượt như nhung  
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,  
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.*

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,  
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa  
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,  
Lần lần tràng hạt niệm nam vô.*

VŨ HUY BA

## CHÙA LÀNG

Chùa làng trong tâm tưởng tôi gắn với Bà tôi - một nông dân chất phác, chăm lên chùa lễ Phật.

Tôi còn nhớ hồi nhỏ. Mỗi khi ở chùa về, Bà tôi thường "chia lộc" cho bọn trẻ chúng tôi phong oản, quả chuối, quả ổi thơm thơm. Buổi tối chúng tôi sợ ma tranh nhau nằm ẩn quanh bà. Chúng tôi tin rằng không ma quỷ nào dám đến gần Bà vì Bà được Phật phù hộ độ trì. Chính trong những buổi tối như thế tôi được nghe Bà kể chuyện về Từ-Thức, Chử-Đồng-Tử, Lưu-Bình-Dương-Lễ, Trầu cau, về một ông Bụt giàu lòng thương người ban phúc cho người nghèo khổ, những cô nhi, quả phụ, về chuyện những nỗi oan chồng chất cùng đức tính nhẫn nại, tình thương rộng lớn của Quan Âm Thị Kính. Khi kể chuyện về những nỗi oan Bà tôi thường bảo:

*Chữ nhẫn là chữ nhẫn vàng,  
Ai mà nhẫn được thì càng sống lâu*

Tất nhiên, lúc đó tôi chưa hiểu được vì sao những ai nhẫn nại được thì "càng sống lâu".

Tôi còn thấy những lúc khó khăn, vận hạn bà tôi thường hướng về phía chùa làng lầm rầm lạy Phật.

Cả đời Bà chăm lên chùa, tụng kinh niệm Phật, ăn ở nhân hậu. Và cả đời bà không gặp tai ương, một điều lạ nữa là hầu như không ốm đau tuy Bà sống vất vả, ăn uống đạm bạc. Bữa cơm thường chỉ có rau hái từ vườn đem về luộc cùng con cua hoặc chút tép tôm bắt được ở đồng.

Tôi hiểu: Có gì đó giữa cuộc đời nhân hậu vô bệnh tật, không tai ương của Bà tôi với chùa làng.

Tôi vẫn nhớ lần đầu được Bà đưa lên chùa làng. Chùa ở cuối làng, trên một gò đất cây cối um tùm. Bước vào chùa không khí trong lành, thanh tịnh đến lạ thường. Tôi cảm nhận chiếc lá lia cành, đậu trên mặt đất; chiếc ao trước cửa chùa phẳng lặng tịch mịch ẩn mình dưới bóng cây cao rậm như ẩn giấu một điều gì bí mật. Một cây đa không biết bao nhiêu tuổi thân cành uốn lượn sù sì, gốc rễ chằng chịt bứt vượt lên cả một khoảng trời khiến tôi hết sức kinh ngạc! Vườn chùa nào nhãn, ổi, thị, na mọc đầy. Có cả một cây ngọc lan rất lớn tỏa hương ngào ngạt. Những ngày sau khi đã quen nhà chùa, tôi thường chui vào vườn "đánh" một bụng no hoa quả, rồi tìm một chạc cây to đắm mình trong giấc ngủ say nồng, quên hết trời đất.

Vào chùa, tôi tròn mắt ngược nhìn tượng hai ông Khuyến Thiện và Trừng Ác cao lớn đến dị thường. Tương truyền ông Khuyến Thiện tay cầm măng tre

thể hiện cái Thiện không bao giờ lụi tàn, còn ông Trùng Ác thì cầm một viên ngọc để soi tỏ tâm người.

Bà đưa tôi vào lễ Phật. Tượng Phật thì nhiều tôi thấy vị nào tai cũng to dài đến gần vai, mặt hiền từ, an tĩnh.... Cả người Phật ngồi lên vẻ điềm đạm, an nhiên. Sau này, lúc thành niên, mỗi khi nóng giận, hoặc mê muội không sáng suốt, tôi lại nhớ tới gương mặt Phật. Và trong phép dưỡng sinh có một phép tập quán tượng trước gương mặt Phật để thân tâm được an tĩnh, điềm đạm... đẩy lùi căng thẳng, mệt mỏi, ngăn ngừa bệnh tật, quân bình âm dương từ đó giữ gìn sức khỏe, kéo dài tuổi thọ.

Sau khi lễ Phật, Bà đưa tôi đến lễ Thánh Mẫu - Đức Mẹ. Lúc đó trẻ thơ, tôi đâu có hiểu được ý nghĩa sâu xa về Thánh Mẫu - Người tượng trưng sức sống vĩnh hằng, phồn vinh trên cõi đời, cùng những đức tính cao quý hiền từ, sự hy sinh cao cả... của con người, của người Việt Nam ta.

Chúng tôi được nhà Chùa mời ăn bữa cơm chay được chế biến bằng ngũ cốc (gạo, đỗ, lạc, vừng...) và hoa quả, nhưng không khác gì một mâm cỗ sang với đủ các món ăn giò, chả, xôi chè... Món nào hương vị cũng thơm ngon khác lạ.

Cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ hương vị của món chả đỗ ăn hôm đó. Và hiện nay, con người đang có nguy cơ lạm dụng ăn uống. Ăn uống dư thừa, không

hợp qui luật tự nhiên đang trở thành một cội nguồn sinh bệnh, "trăm thứ bệnh đều từ miệng". Đứng trước thực trạng đó, phép ăn uống thanh đạm tươi lành, gần gũi với tự nhiên của nhà chùa được xem là một phép dưỡng sinh. Người ta nhận thấy phép ăn bình dị, nhưng đủ chất của nhà chùa không những giúp cho con người khỏe mạnh, dẻo dai mà còn tạo cho con người có được sự sáng suốt, giữ cho tâm tính được bình lặng, ít kích động, bởi những đam mê tầm thường. Từ đó có thể ngăn ngừa được những thứ bệnh nguy hiểm do lối sống hiện đại đua chen, căng thẳng gây nên như béo bệu, suy nhược thần kinh, xơ vữa động mạch, huyết áp cao, nhồi máu cơ tim...

Sau này lớn lên tôi hiểu thêm rằng: Không chỉ làng tôi mà ở khắp Việt Nam gần như làng nào cũng có chùa. Và trong tháng người ta thường đi lễ chùa vào hai ngày: ngày vọng (ngày rằm) và ngày sóc (ngày mồng một âm lịch). Chính đi lễ chùa những ngày này giúp tâm trí con người được bình lặng, an nhiên, tạo cho con người hoà đồng cùng trời đất, thiên nhiên. Hiện khoa học đã vén bức màn bí mật của hai ngày lễ này. Ngày mồng 1 thủy triều cao, lực hút trái đất của mặt trời, mặt trăng cộng hưởng lớn, do mặt trời, mặt trăng ở cùng một phía với trái đất. Con người chịu sự tác động đó nên ngày mồng 1 huyết áp tăng, dễ kích động, cáu gắt, nóng nảy, thiếu suy nghĩ - còn ngày rằm mặt trời, mặt trăng ở hai phía với trái đất,

thuỷ triều xuống thấp, huyết áp xuống thấp, con người mệt mỏi, uể oải, chán nản. .. dễ gặp rủi ro, tai nạn...

Có lẽ đây chỉ là một trong vô số bí mật quý báu đã và sẽ được chúng ta tìm thấy ở ngôi chùa làng gần gũi.

Vào ngày Hội chùa, trời đất tung bừng, bỗng chốc như sống dậy huyền diệu! Người đi lễ nườm nượp. Giầu có, nghèo có, sang có, hèn có. Đến cửa Phật ai cũng như ai không có sự phân biệt, xa cách. Tất cả chỉ có một lòng thành mong được "Phật chứng". Nên "Giầu một bó khó thì một nén". Và vô hình chung ở cửa Phật mọi người đều bình đẳng, cao hơn xa hơn nữa, cái tâm của mọi người được bình đẳng trước Phật!

Chính vì lẽ đó cả những con người tội lỗi cũng sám hối cải tà trước cửa Phật. Đã, và hiện không thiếu những trường hợp như vậy. Có lẽ "tâm động qui thần tri" là một huyền diệu ta thấy được ở chùa làng chăng?

Nhân đây cũng xin kể câu chuyện để chúng ta cùng suy ngẫm. Tôi biết một người, anh có vợ tuổi gần 50 thường đi lễ chùa. Một bạn chị vợ chuẩn bị lên chùa, anh nhìn vợ rồi nháy mắt sẽ bảo tôi: "ở tuổi bà ấy là lắm phức tạp lắm. Để bà ấy đi chùa.... Mà này, thực tế hiệu nghiệm ra phết, bà ấy đỡ bệnh, tính thuần ra, lại vui vẻ nữa chứ!"

Ngày hội ta đến chùa được hoà trong cộng đồng.

Mà cộng đồng đó ai cũng đều thành tâm, đều nhân từ, bác ái, đều vui vẻ. Nhìn ai cũng thấy đẹp, thấy tốt. Bỗng chốc những ràng buộc, những khuất vướng... trong lòng ta được giải toả. Và tình yêu thương, quý trọng đồng loại nảy sinh trong ta lúc nào mà ta không hay biết!

Chùa lại thường ở những nơi núi cao cảnh đẹp, thiên nhiên rộng mở, tĩnh lặng, mênh mông. Mỗi lần từ nơi đô thị ồn ào, gấp gáp, từ nơi đời sống trần tục đè nặng hai vai, đến với chùa ta được giải toả, tâm hồn như được tắm gội. Đến với chùa ta không chỉ sống trong một thiên nhiên thanh cao, mà còn được hoà đồng trong thế giới tâm linh, trong những giá trị tinh thần cao quý như từ, bi, hỷ, xả... Chính lúc đó con người nhận ra những giá trị tốt đẹp ở con người. Từ đó con người thêm yêu cuộc sống, mong muốn sống một cuộc sống tốt đẹp: Hoà bình, bác ái, bình đẳng, tự do.

Chúng ta đang sống trong một thực tại có xô đẩy, căng thẳng, gay gắt, thậm chí gay gắt đến bệnh hoạn thì chữ TÂM mà chùa làng thấm trong ta từ bé thơ vẫn còn nguyên giá trị với lời dạy sâu sắc: "Thứ nhất tu lại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa."

Và tự chúng ta biết: chùa làng mãi tươi mới cùng thời gian.

TRẦN VĂN LANG  
Bảo tàng Bắc Giang

## MỘT SỐ NGÔI CHÙA TIÊU BIỂU Ở BẮC GIANG

Bắc Giang nay có 1316 di tích các loại, trong đó có 412 ngôi chùa lớn nhỏ, cũ và mới phục hồi.

Ngoài hai trung tâm Phật Giáo: chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, Bắc Giang còn nhiều khá nhiều ngôi chùa có quy mô lớn, có kiến trúc khá hoàn chỉnh có hệ thống tượng Phật là những tác phẩm nghệ thuật có giá trị trong một không gian tự nhiên hoặc kiến trúc đẹp đẽ

### 1- Chùa An Hà

Còn gọi là chùa Hà ở thôn An Hà, xã An Hà huyện Lạng Giang. Chùa nằm ở đầu thôn, thuận lợi giao thông. Phía trước có nghề thờ thành hoàng làng. Quy mô chùa An Hà khá lớn, kiến trúc thời Lê và thời Nguyễn. Trong chùa có nhiều tượng Phật bằng chất liệu gỗ và đất trộn. Phong cách nghệ thuật tượng Phật rất tinh tế và độc đáo. Đáng lưu ý là khu động Hương Tích của chùa. Đó là khu động đắp bằng thó, trong đó có nhiều cảnh tu tiên đẹp mà các chùa khác

không có. Chùa An Hà là ngôi chùa có những văn khắc rất hiếm.

Chùa An Hà đã được nhà nước công nhận là di tích Lịch sử-Văn hoá tại quyết định số 226 VH/QĐ năm 1994

### 2- Chùa Bồ Hạ

Chùa Bồ Hạ thuộc thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế. Chùa nằm bên đình Bồ Hạ, kề sát bờ sông Thương. Khu đình chùa Bồ Hạ có cảnh quan đẹp thoáng đãng.

Chùa có từ thời Lê, đến thời Nguyễn tu bổ và tôn tạo như ngày nay. Trong chùa có hệ thống tượng Phật bằng chất liệu gỗ và đồng có giá trị nghệ thuật.

Chùa Bồ Hạ trong những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã bị thực dân Pháp và đế quốc Mỹ bắn phá, bị hư hại nặng nề. Sau ngày thống nhất đất nước (1975) chùa được tu bổ lại khang trang đẹp đẽ.

Chùa đã được Nhà nước công nhận là di tích Lịch sử - Văn hoá tại quyết định số 1548 VH/QĐ năm 1991

### 3- Chùa Diên Phúc

Chùa Diên Phúc thường gọi là chùa Làng Vân, thuộc xã Vân Hà, huyện Việt Yên.

Chùa nằm ở giữa làng. Trước chùa là dòng sông Cầu, chùa được xây dựng từ thời Lê, (TKXVI-XVII)

với bố cục nội công ngoại quốc. Trong chùa có hệ thống tượng Phật gỗ, tượng hậu đá là những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Điều đáng lưu ý ở chùa Vân là hệ thống bia đá gồm 107 tấm. Các bia này được tạo khắc vào hai triều Lê-Nguyễn. Trán và diềm bia có hoa văn tiêu biểu và độc đáo với phong cách thời đó.

Do các giá trị lịch sử, chùa đã được Nhà nước công nhận bảo vệ tại quyết định số 34 - VH/QĐ (1990)

#### 4- Chùa Dền

Chùa Dền, còn có tên là "Sùng Tích tự" thuộc phường Lê Lợi, thị xã Bắc Giang. Chùa nằm kề bờ sông Thương, quay mặt ra sông. Nguyên chùa có từ thời Lê, đến năm 1848 trùng tu, tôn tạo, bao gồm: Tam bảo, nhà tổ, nhà mẫu, và vườn tháp. Thời Thành Thái lại tiếp tục tu bổ.

Quy mô của chùa khá lớn, là một danh thắng cảnh trí đẹp, tinh mịch. Xưa có câu ca:

*Thứ nhất là chùa Đức La*

*Thứ nhì chùa Bồ thứ ba chùa Dền*

Những năm chống Mỹ, máy bay giặc ném bom oanh tạc, thị xã Bắc Giang trong đó có chùa Dền bị tàn phá.

Sau năm 1975, nhân dân địa phương cùng nhà chùa gom nhặt di vật, góp công sức xây dựng lại chùa.

Ngày nay, chùa Dền lại khang trang tôn nghiêm sầm uất.

Lễ hội chùa vào ngày 6 tháng Giêng.

#### 5. Chùa Đoan Minh

Chùa Đoan Minh tên chữ là "Đoan Minh Tự", còn gọi là chùa Thổ Hà thuộc xã Vân Hà, huyện Việt Yên.

Chùa nằm ở cạnh làng, có qui mô lớn. Không gian kiến trúc rộng rãi thoáng mát. Phía trước chùa là đình Thổ Hà nổi tiếng và dòng sông Cầu thơ mộng.

Chùa được xây dựng vào thời Lê-Mạc. Dấu tích thời ấy còn lại khá đậm nét. Đến thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII-XVIII) chùa được tu bổ và mở rộng. Chùa bố cục theo lối nội công ngoại quốc. Trong chùa còn cả hệ thống tượng Phật gỗ được chạm khắc một cách tinh tế, đã trở thành những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Đặc biệt là đôi rồng đá thời Lê-Mạc trước chùa.

Với những giá trị lịch sử văn hoá trên, chùa Đoan Minh đã được nhà nước công nhận bảo vệ theo quyết định số 266 - VH/QĐ (1994)

#### 6. Chùa Hả - Lục Ngạn

Chùa Hả, thuộc xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn. chùa Hả được xây dựng bên cạnh đền Hả- thờ Vũ

Thành (tức Thân Cảnh Phúc - Phò mã nhà Lý ở thế kỷ XI).

Chùa và đền Hả nằm ở khu đồi rộng xa làng, đẹp thoáng đãng.

Chùa có từ thời Lê, đến thời Nguyễn, niên hiệu Tự Đức thứ 6 (1853) tu sửa lại.

Trong khu di tích này, chùa được xây dựng theo kiểu chữ Đinh gồm toà tiền đường và tam bảo. Nói chung chùa còn lưu giữ được hệ thống tượng phật và đồ thờ tự khá đầy đủ. Đáng lưu ý là cây hương đá và chiếc khánh đá của chùa. Đó là những di vật quý hiếm mà ít chùa có.

Hội chùa Hả vào các ngày 6,7,8 tháng Giêng, đã diễn ra các nghi lễ cúng Phật và tưởng nhớ đến Thân Cảnh Phúc và các công chúa nhà Lý do các vua Lý gả về vùng cao này, theo chính sách cơ mỵ thời ấy.

Chùa được bảo vệ theo quyết định số 154 VH/QĐ (1991)

#### 7. Chùa Hả - Tân Yên

Chùa Hả thuộc xã Tân Trung, huyện Tân Yên, chùa nằm ở đỉnh đồi Hả có cảnh quan địa lý đẹp đẽ. Bên cạnh chùa có đỉnh Hả là nơi Đề Nắm tế cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp vào ngày 16 tháng 3 năm 1884.

Chùa quy mô không lớn gồm toà tiền đường và tam bảo, trước kia có hệ thống tượng đầy đủ. Trái

bao năm tháng chiến tranh, các di vật trong chùa mất mát thất lạc nên đã thay thế lại. Di tích cũ chỉ còn các công trình kiến trúc thời Lê-Nguyễn.

Do nằm bên đình Hả nên chùa Hả cũng là nơi chứng kiến cuộc tế cờ khởi nghĩa năm 1884 của nghĩa quân Yên Thế do Lương Văn Năm lãnh đạo. Chính vì thế đình, chùa Hả đều được Nhà nước công nhận là di tích Lịch sử - Văn hoá tại quyết định số 372/VH-QĐ năm 1994.

Chùa đã được Nhà nước trùng tu tôn tạo.

#### 8. Chùa Hồng Phúc

Chùa Hồng Phúc còn gọi là chùa Hà Vị, nằm ở phường Trần Nguyễn Hân, thị xã Bắc Giang. Nguyên trước, chùa Hồng Phúc cũng là một ngôi chùa lớn bao gồm các toà Tiền đường, Tam bảo, nhà tổ, giải vũ.... kể bên khu đình Hà Vị.

Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc ta, nhất là đợt bom B52 của Mỹ, chùa Hồng Phúc đã bị tàn phá nặng nề.

Nhiều năm chùa nằm trong tình trạng phế tích. Hơn mười năm qua, chùa Hồng Phúc đã được nhân dân và khách thập phương công đức tiền của, nhà sư Thích Thiện Văn đã cho khôi phục lại. Đến nay chùa đã khang trang đẹp đẽ gồm các toà: Tam Bảo, nhà tổ, nhà mẫu, nhà khách, nhà tăng ni, nhà tượng niệm

các liệt sỹ. Chùa Hồng Phúc hiện nay là nơi thường trực của HỘI PHẬT GIÁO BẮC GIANG.

### 9. Chùa Hưng Phúc

Chùa Hưng Phúc thuộc xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, chùa còn có tên là chùa Tràng, nằm ở bên làng Kim Tràng, có địa thế rộng rãi, thoáng mát.

Chùa vốn có từ thời Lê (thế kỷ thứ XVIII) đến thời Nguyễn được trùng tu, tôn tạo gồm các toà: tiền đường, tam bảo, nhà tổ...

Trong chùa có hệ thống tượng Phật tương đối đầy đủ. Đồ thờ và bài trí có giá trị.

Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, nơi đây là khu vực vành đai trắng, là vùng tranh chấp giữa ta và địch. vì thế mảnh đất này đã diễn ra nhiều cuộc càn quét của thực dân Pháp và chống càn của dân quân du kích. Đình miếu và làng xóm bị tàn phá. Nhưng chùa Tràng vẫn còn tương đối nguyên vẹn. Cũng vì thế chùa Tràng đã là nơi chứng kiến cho phong trào chống Pháp ở nơi đây.

Chùa Tràng đã được Nhà nước công nhận là di tích Lịch sử Văn hoá tại quyết định số 1598/CT năm 1996.

### 10. Chùa Hương Vỹ

Chùa Hương Vỹ, còn gọi là chùa Vía, thuộc xã Hương Vỹ, huyện Yên Thế.

Chùa được xây dựng ở khu đất rộng, thoáng đảng ở bên làng. Chùa có quy mô rộng, bao gồm các công trình tiền đường, tam bảo, và nhà thờ mẫu. Bên cạnh chùa có ngôi nghè nhỏ.

Trong chùa có hệ thống tượng Phật, tượng hậu bằng chất liệu gỗ sơn thếp có giá trị nghệ thuật. Chùa có niên đại từ từ thời Lê, đến thời Nguyễn được tu bổ lại như hiện nay.

Chùa đã được Nhà nước công nhận bảo vệ tại quyết định số 226/VH-QĐ năm 1994.

### 11. Chùa Kem

Chùa Kem, có tên là "Thanh Phong Tự", xã Nham Sơn huyện Yên Dũng.

Chùa nằm khe núi Nham Sơn của dãy Nham Biền, cảnh trí u tịch và hùng vĩ. Chùa được xây dựng lớn vào thời Lê Cảnh Hưng (thế kỷ XVI). Bố cục mặt bằng chùa bao gồm các công trình vườn tháp, tiền đường, thiêu hương, tam bảo, và nhà thờ tổ. Trong chùa còn có cả hệ thống tượng Phật bằng chất liệu gỗ có giá trị nghệ thuật. Ngoài ra, chùa còn lưu giữ lại nhiều di vật quý: Chuông, bình và đồ thờ tự. Trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX nơi đây là một trong những cơ sở hoạt động của nghĩa quân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Những năm toàn quốc kháng chiến, chống thực dân Pháp 1946-

1954, chùa Kem lại trở thành cơ sở của cách mạng với sự đóng góp tích cực của sư ni trụ trì ở chùa.

Chùa Kem được Nhà nước công nhận bảo vệ tại quyết định 49/UB năm 1988.

## 12. Chùa Kế

Chùa Kế còn gọi là Chùa Đống Nghiêm; nằm kế chợ Kế, thuộc thôn Thượng Trù, xã Đình Kế, thị xã Bắc Giang.

Chùa vốn có từ thời Lê đến năm 1705 được xây dựng lớn cùng công cuộc mở chợ Kế. Người có công xây dựng chùa cũng là người có công mở chợ nên được gọi là bà Chúa chợ. Sau lần xây dựng đó Chùa tiếp tục được tôn tạo vào các năm 1731, 1759... bao gồm các toà: Thượng điện, tam bảo, cửu phẩm, gác chuông, gác khách, nhà tổ, giải vũ, tam quan, vườn tháp, sân vườn. Chùa Kế thực sự là nơi danh lam cổ tích như bia chùa ghi nhận: "Đứng hàng thứ tư trong hàng ngàn danh lam của cả nước"...

Lịch sử thăng trầm, chùa Đống Nghiêm ngày nay không còn như xưa, nhiều công trình đã bị đổ nát và bị tàn phá chỉ còn toà tam bảo và khu vườn tháp cùng các di vật như Bia đá, tượng Phật, đồ thờ tự...

Trong những năm qua, nhân dân địa phương dưới sự chỉ đạo của chính quyền các cấp đã và đang tu tạo chùa Đống Nghiêm, vì thế cảnh sắc Chùa mỗi ngày một thêm khang trang đổi mới. Chùa đã được

nhà nước xét là di tích được bảo vệ theo quyết định đã ký.

## 13. Chùa Kim Tràng

Chùa Kim Tràng thuộc xã Việt Lập, huyện Tân Yên.

Chùa nằm trên khu đất rộng kế đường 34 Bắc Giang đi Nhã Nam.

Chùa Kim Tràng được xây dựng vào thế kỷ XVII-XVIII với các công trình: tiền đường, thượng điện, tam bảo và vườn tháp.

Trong chùa có hệ thống tượng Phật bằng chất liệu gỗ và đồng, là các tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Đáng lưu ý là pho tượng đồng Phật Bà nhiều mắt nhiều tay.

Thời Hoàng Hoa Thám lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX nơi đây cũng là một trong những cơ sở của nghĩa quân.

Do các giá trị văn hoá và lịch sử trên, chùa Kim Tràng được Nhà nước công nhận bảo vệ tại quyết định 154-QĐ, (1991).

## 14. Chùa Khám Lạng

Chùa Khám Lạng thuộc xã Khám Lạng, huyện Lục Nam.

Chùa có từ thời Trần, đến thời Lê sơ thế kỷ XV

được xây dựng lớn. Sang thời kỳ Lê Trung hưng và thời Nguyễn (thế kỷ XVIII-XIX) được tu bổ, trang trí đẹp đẽ.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, một số công trình bị tàn phá. Tuy vậy, cảnh quan, kiến trúc và di vật còn lại, chùa vẫn có nhiều giá trị tiêu biểu về mặt nghệ thuật. Đó là hệ thống tượng Phật bằng chất liệu gỗ và đá, trong đó có các pho tượng đá có niên hiệu Hồng Đức thứ 3 (1473). Đặc biệt, chùa Khám Lãng có chiếc sập đá bệ hoa sen chạm trổ đẹp, có niên hiệu Thuận Thiên thứ 5 (1432) là một tác phẩm nghệ thuật quý hiếm.

Đây là ngôi chùa duy nhất từ thời Lê Lợi dựng nước còn lại đến ngày nay ở Bắc Giang.

#### 15 - Chùa Lèo

Chùa Lèo, thuộc xã Phồn Xương, huyện Yên Thế.

Chùa nằm trên đỉnh ngọn đồi cao ở phía đông làng, kế đường 34 Nhã Nam - Cầu Gồ trên đường vào khu di tích Phồn Xương.

Chùa có từ đời Lê, đến thời có cuộc khởi nghĩa Yên Thế, Hoàng Hoa Thám cho tu sửa lại gồm Tam quan, Tiền đường, Tam bảo.

Đây cũng là một cơ sở hoạt động của nghĩa quân Yên Thế.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Tam quan Tiền đường bị phá huỷ, chỉ còn Tam bảo.

Tuy thế, chùa Lèo vẫn có quy mô lớn trong khu đồi có cảnh quan đẹp.

Chùa Lèo đã được Nhà nước công nhận bảo vệ theo quyết định số 54-VH/QĐ (1979)

#### 16. Chùa Minh Linh

Chùa Minh Linh thuộc thôn Hoàng Mai, xã Hoàng Mai, huyện Việt Yên. Chùa nằm ở bên làng có cảnh quan địa lý rộng rãi, thoáng đẹp.

Chùa hiện còn các công trình: Tiền đường, tam bảo, nhà tổ, nhà mẫu và Đình Hạ.

Trong chùa có một số tượng Phật cũ và một số di vật cổ có giá trị văn hoá.

Đáng lưu ý là công trình Đình Hạ. Nơi đây là nơi thờ người có công lập làng Hoàng Mai tên là Đỗ Công Cẩn, vì thế di tích này góp phần nghiên cứu sự hình thành và phát triển các làng xã ở Bắc Giang. Chùa đã được Nhà nước công nhận di tích Lịch sử - Văn hoá tại quyết định 74 VH/BT năm 1993.

#### 17. Chùa Phồn Xương

Chùa Phồn Xương: còn gọi là Đền Thế. Ở Phồn Xương, Yên Thế. Chùa có từ lâu. Lúc đầu dựng tạm bằng tre nứa. Sau đó được Hoàng Hoa Thám cho dựng lại bằng gỗ lim, lợp ngói. Trong thời kỳ Hoàng Hoa Thám hoà hoãn lần thứ 2 với thực dân Pháp (1897-

1909) nơi đây đã diễn ra nhiều cuộc hội hè, vui chơi, rước sách do Đề Thám tổ chức vào dịp Xuân - Thu.

Mùa xuân ở đây mở hội cầu may từ 10 tháng giêng đến 15 tháng giêng. Dịp này Đề Thám cho thân nhân nghĩa quân đến thăm, lễ Phật. Ngoài đôi bãi thi vui chơi, thi bắn cung nỏ, bắn súng, săn thú, vật giải, đua ngựa, đánh cờ... lại có thi cỗ chay, bánh trái, cơm nắm, chè lam. Mùa thu có mở lễ cầu siêu. Đề Thám cho mời các Cao tăng đức độ về hành lễ. Trong dịp này có lễ phóng đăng, thả cá, thả chim về tự nhiên sống tự do. Chùa hiện nay nằm trong khu di tích Phồn Xương. Cũng trong hệ thống di tích khởi nghĩa Yên Thế này, còn có chùa Thông ở xã Đồng Lạc là ngôi chùa đã diễn ra cuộc đàm phán hoà hoãn lần thứ 1 giữa Đề Thám và thực dân Pháp (1894-1897).

#### 18. Chùa Quang Phúc

Chùa Quang Phúc, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang.

Chùa được xây dựng từ thời Lê niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 3 (1708) chùa có mặt bằng bố cục theo lối nội công ngoại quốc, quy mô lớn, thoáng đãng, đặt trên một triền đồi có nhiều cây thông cổ kính. Các công trình của chùa bao gồm: Tiền đường, Thiêu hương, Tam bảo, Hậu cung và hai dãy hành lang. Trong chùa có hệ thống tượng Phật bài trí khá hoàn

chỉnh và đầy đủ. Tại toà tiền đường hầu hết các cột cái và cột quân đều được vẽ rồng mây giao hội bằng sơn thếp lộng lẫy uy nghiêm.

Chùa Quang Phúc nằm trong quần thể, di tích đình, chùa, đền của xã Tiên Lục. Trong quần thể di tích ấy lại có cây dã hương ngàn năm, lớn nhất Bắc Kỳ với đường kính khoảng 4m.

Chùa Quang Phúc được Nhà nước công nhận bảo vệ theo quyết định 147/BVH (1989)

#### 19. Chùa Quất Lâm

Chùa nằm trên đỉnh đồi Quất Lâm, thuộc thôn Quất Lâm, xã Quất Lâm, huyện Lạng Giang. Địa thế cao ráo, thoáng đãng và đẹp đẽ.

Nguyên trước chùa được xây dựng vào thời Lê (thế kỷ thứ XVIII) quy mô lớn bao gồm các toà: Tiền đường, thiêu hương, thượng điện, nhà tổ, gác chuông, vườn tháp. Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX do binh lửa và nơi đây lại nằm trong khu vành đai trắng của thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945-1954. Các công trình lớn cơ bản bị tàn phá chỉ còn tam bảo và bia ký, vườn tháp. Đó là những di vật quý minh chứng về lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta. Vì thế, Nhà nước đã công nhận chùa Quất Lâm là di tích lịch sử, văn hoá tại quyết định số 08/UB năm 1995.

## 20. Chùa Sần

Chùa Sần, có tên là "Phương Lạn tự", xã Phương Sơn, huyện Lục Nam.

Chùa có từ thời Lê, lúc đầu dựng ở vị trí Rừng Chùa, xa làng. Đến thời Nguyễn mới được di chuyển về sườn đồi bên làng Sần, kế sau đình Sần.

Chùa Sần gồm các công trình: Tiền đường, Tam bảo và nhà thờ mẫu. Trong chùa còn hệ thống tượng Phật có giá trị. Đáng lưu ý là các di vật cổ như chuông, khánh đồng đúc thời Minh Mạng và bia đá thời Tự Đức (thế kỷ XIX). Trên bờ nóc, bờ dải, đao chùa đều có các tác phẩm đắp theo đề tài tứ linh khá hoàn mỹ.

Chùa và đình trong cảnh quan trù mật của làng Sần đã trở thành một khu danh lam có tiếng trong vùng.

Chùa Sần đã được Nhà nước công nhận bảo vệ, quyết định số 1568 VH/QĐ (1995)

## 21. Chùa Làng Thành

Chùa Làng Thành còn có tên là Am Vân Tự thuộc xã Thọ Xương,, thị xã Bắc Giang.

Chùa được xây dựng vào thời Lê, nằm bên làng, gần thành Xương Giang xưa, năm 1848 tu sửa lại và đúc chuông đồng.

Chùa Làng Thành có quy mô rộng, bố cục mặt bằng theo lối chữ đình. Phía trước là Tiền đường, sau là Hậu cung. Ngoài ra còn các công trình khác như nhà thờ mẫu, cổng tam quan.

Trong chùa có hệ thống tượng Phật đẹp, độc đáo. Chùa làng Thành đã được Nhà nước công nhận, theo quyết định số 226/VH/QĐ (1994)

## 22. Chùa Thượng Lâm

Chùa Thượng Lâm tức là chùa Long Cốt ở xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam. Ban đầu chùa nằm trên đỉnh núi Thượng Lâm. Trên núi có trồng thông nên phong cảnh rất u tịch. Về sau do yêu cầu xã hội nên chùa Long Cốt được chuyển về bên làng Thượng Lâm. Chùa có 2 toà: tiền đường và tam bảo. Trong chùa có hệ thống tượng Phật có giá trị. Di vật duy nhất của chùa cũ là quả chuông ghi 4 chữ "Long cốt tự chung" mang niên hiệu thời Lê. Đây là di tích liên quan đến cuộc khởi nghĩa nông dân ở thế kỷ XVI do Trần Cảo, Trần Cung lãnh đạo.

Chùa đã được Nhà nước công nhận là di tích Lịch sử - Văn hoá tại quyết định số 138/ BVH năm 1992.

### 23. Chùa Tứ Giáp

Chùa Tứ Giáp, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên. Chùa được xây dựng vào thời Lê, và được tu sửa vào thời Nguyễn.

Chùa có quy mô lớn nằm trung tâm xã.

Chùa bao gồm các công trình: Tiền đường, Tam bảo, và Nhà mẫu.

Trong chùa có hệ thống tượng Phật có giá trị nghệ thuật như các tượng Tam Thế, A-di-đà, Thích ca...

Đây là nơi sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của nhân dân Nhã Nam. Đồng thời cũng là ngôi chùa bổ sung cho hệ thống di tích về phong trào khởi nghĩa Yên Thế.

Chùa được Nhà nước công nhận bảo vệ theo quyết định số 138/BVH (1992)

### 24. Chùa Vân Cốc

Chùa Vân Cốc thuộc thôn Vân Cốc, xã Tân Trung, huyện Việt Yên, chùa nằm ở bên làng, dưới chân núi Bài thuộc dãy núi Nham Biền.

Chùa Vân Cốc có từ rất sớm đến thời Lê được xây dựng lên như ngày nay. Trong thời Nguyễn chùa

cũng được tu bổ, tôn tạo. Chùa có quy mô lớn. Bố cục mặt bằng theo lối nội công ngoại quốc.

Toàn bộ chùa bao gồm các công trình chính là: tam quan, tiền đường, thiêu hương, tam bảo, hậu đường, gác chuông (nay đã mất) hai dãy hành lang, nhà mẫu, nhà tổ.

Chùa Vân Cốc có hệ thống tượng Phật có giá trị nghệ thuật. Tiêu biểu hơn cả là hệ thống tượng Phật được gọi là "Long Bài" với 16 vị Phật khác nhau. Cho tới nay ở Bắc Giang, và một số tỉnh bạn xung quanh chưa thấy nơi nào có hệ thống tượng này.

Nhà nước đã công nhận bảo vệ di tích Vân Cốc theo quyết định số 100/BVH (1989)

### 25. Chùa Làng Vẽ

Chùa làng Vẽ còn đó tên là "Huyền Khuê Tự", thuộc xã Thọ Xương, thị xã Bắc Giang.

Chùa được xây dựng chùa vào năm Bảo Hưng 1801 thời Tây Sơn do dân 3 giáp thuộc Đông Nham, Nam Xương đóng góp.

Chùa làng Vẽ có quy mô lớn vào địa thế thoáng đãng rộng rãi.

Nơi đây còn bảo lưu được hệ thống tượng Phật

tương đối hoàn chỉnh. Trong chùa còn có nhiều di vật có giá trị. Tiêu biểu là quả chuông đúc thời Tây Sơn.

Đây là ngôi chùa lớn, cổ kính. Hàng năm hội chùa mở vào ngày 6 tháng 2 âm lịch. Hội thu hút khách ở nhiều nơi trong vùng đến dự.

Chùa làng Vẽ, Nhà nước công nhận là di tích nghệ thuật được bảo vệ, theo quyết định số 295 VH/QĐ (1994)

## 26. Chùa Yên Mỹ

Nằm ở sườn núi Chu Nguyên thuộc làng Chu Nguyên, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang. Chùa còn có tên chữ là chùa Vĩnh An. Chùa được xây dựng ở thế kỷ XVII-XVIII. Quy mô lớn. Bố cục theo kiểu chữ đình. Chùa hiện nay gồm có toà tiền đường và toà tam bảo. Cạnh đó còn có toà nhà dành cho việc thờ mẫu. Trong chùa còn lưu giữ được nhiều di vật cổ như bia đá, tượng và đồ thờ tự.

Chùa Vĩnh An nằm trong quần thể di tích đền-đình chùa của thôn Chu Nguyên.

Nơi đây có cảnh quan đẹp, bao quát toàn cảnh khu vực Xương Giang, bởi thế nó là trung tâm của phố Cát xưa trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược

phong kiến nhà Minh ở thế kỷ XV. Đến thế kỷ XVI, lại là căn cứ địa của cuộc khởi nghĩa nông dân do Trần Cảo - Trung Cung lãnh đạo. Bởi thế quần thể di tích đền - đình - chùa Yên Mỹ đã được Nhà nước quyết định công nhận bảo vệ tại quyết định số 154/QĐ năm 1991.

T.V.L

## MỤC LỤC

|                                | Trang                            |
|--------------------------------|----------------------------------|
| - Lời đầu sách                 | 5                                |
| * Chùa Vĩnh Nghiêm             | NGUYỄN XUÂN CẦN 7                |
| * Chùa Bồ Đà                   | NGUYỄN XUÂN 12                   |
| * Đạo Phật từ góc nhìn văn hoá | THÍCH THIÊN VĂN 18               |
| * Thiền phái Trúc Lâm          | ĐỖ NHẬT MINH và<br>TRẦN QUYỂN 23 |
| Trả lời Từ Đạo Hạnh            | KIỀU TRÍ HUYỀN 36                |
| Không bệnh bảo mọi người       | VIÊN CHIẾU 37                    |
| Sắc và không                   | LÊ THỊ Ý LAN 38                  |
| Tỏ lòng                        | KHÔNG LỘ THIÊN SU 39             |
| Nghe tiếng chuông              | HOÀNG VIÊN HỌC 40                |
| Tìm tiếng vọng                 | TÔ MINH TRÍ 41                   |
| Đạo                            | PHẠM THƯỜNG CHIẾU 42             |
| Cảnh xuân                      | TRẦN NHÂN TÔNG 43                |
| Nhấn nhủ                       | PHÁP LOA tôn giả 44              |
| Nhà trong núi                  | HUYỀN QUANG tôn giả 45           |
| Sư già trong núi               | NGUYỄN BÀNH 46                   |
| Chùa Lê Đề                     | LÊ THIẾU DĨNH 47                 |
| Chùa Vĩnh Nghiêm               | KIM DUNG sưu tầm 48              |
| Em đi chùa                     | PHAN XUÂN HẠT 49                 |
| Nhớ mẹ                         | KHÁNH LUYẾN 49                   |

|                                 |                     |
|---------------------------------|---------------------|
| Đền Bồ Đà                       | NGÔ HUY BÍCH 50     |
| Đền Thượng cảm tác              | NGUYỄN HUY TẬP 51   |
| Chùa Bồ                         | KIM Ô 52            |
| Bông sen vàng                   | ĐẶNG TIỀN HUY 54    |
| Chùa Dền                        | TRẦN MINH 54        |
| Tôn Nghiêm                      | DUY PHI 55          |
| Bến Giác                        | J.LEIBA 55          |
| Trước tượng nghìn tay nghìn mắt | NGUYỄN PHAN HÁCH 56 |
| Ghi trước của Thiền             | DUY KHOÁT 58        |
| Vô đề                           | NGUYỄN THANH KIM 60 |
| Sương trắng                     | NGUYỄN BỘ 60        |
| Vào chùa                        | TRẦN ANH TRANG 61   |
| Bên Sông Thương                 | HUY NGỌC 62         |
| Xuân về                         | NGUYỄN BÌNH 63      |
| * Chùa làng                     | VŨ HUY BA 64        |
| * Một số ngôi chùa tiêu biểu    | TRẦN VĂN LẠNG 70    |

In 1000 cuốn khổ 13 x 19 cm tại Xưởng in Nhà xuất bản GTVT.  
Giấy phép xuất bản 10-742/CXB-QLXB  
In xong và nộp lưu chiểu 10-1997